

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----***-----

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

Duy Tiên, năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THỊ XÃ DUY TIÊN, TỈNH HÀ NAM

Ngày tháng ... năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày tháng ... năm 2023

UBND THỊ XÃ DUY TIÊN

Duy Tiên, năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	iv
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2.1. Cơ sở pháp lý	1
2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ	3
3. Mục đích, yêu cầu của việc lập kế hoạch sử dụng đất	3
3.1. Mục đích	3
3.2. Yêu cầu	4
4. Bố cục của báo cáo	4
5. Sản phẩm của dự án.....	4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	5
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường.....	5
1.2. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế- xã hội.....	11
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	20
2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	20
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	35
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước..	36
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	37
3.1. Chi tiêu sử dụng đất	37
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	37
3.3. Tổng hợp cân đối nhu cầu sử dụng đất	47
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	60
3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	61
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	62
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	62
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất....	62
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	64
4.1. Các giải pháp bảo vệ đất, cải tạo môi trường.....	64
4.2. Giải pháp về quản lý	65

4.3. Giải pháp về kinh tế	66
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	67
I. KẾT LUẬN.....	67
II. KIẾN NGHỊ.....	67
HỆ THỐNG BIỂU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<i>Chữ viết tắt</i>	<i>Chữ viết đầy đủ</i>
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
DSKHHGD	: Dân số kế hoạch hóa gia đình
GCNQSDD	: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
HTXDV	: Hợp tác xã dịch vụ
KH-KT&CN	: Khoa học - kỹ thuật và công nghệ
KK	: Kiểm kê
KT- XH	: Kinh tế - xã hội
KHSDD	: Kế hoạch sử dụng đất
NTTS	: Nuôi trồng thủy sản
QH	: Quy hoạch
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
STT	: Số thứ tự
THCS	: Trung học cơ sở
TTCN - XD	: Tiểu thủ công nghiệp - xây dựng
GPMB	: Giải phóng mặt bằng
UBND	: Ủy ban nhân dân
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
VH-TT-TT	: Văn hóa - Thể dục - Thể thao

DANH MỤC BẢNG

STT	Tên bảng	Trang
	<i>Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên.....</i>	<i>23</i>
	<i>Bảng 2. Kết quả thực hiện công trình, dự án Kế hoạch sử dụng đất năm 2022</i>	<i>25</i>
	<i>Bảng 3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt</i>	<i>31</i>
	<i>Bảng 4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất năm 2022.....</i>	<i>33</i>
	<i>Bảng 5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022</i>	<i>35</i>
	<i>Bảng 6. Danh mục công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023</i>	<i>38</i>
	<i>Bảng 7. Danh mục công trình, dự án đăng ký mới năm 2023.....</i>	<i>44</i>
	<i>Bảng 8. Phân bổ diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã, phường.....</i>	<i>47</i>
	<i>Bảng 9. Phân bổ diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã, phường</i>	<i>49</i>
	<i>Bảng 10. Phân bổ diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn xã, phường.....</i>	<i>52</i>
	<i>Bảng 11. Diện tích đất cần chuyển mục đích phân bổ trên địa bàn các xã, phường</i>	<i>61</i>
	<i>Bảng 12. Cân đối thu chi trong năm Kế hoạch</i>	<i>63</i>

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch đã quy định quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai; đồng thời cũng quy định UBND cấp huyện có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình UBND cấp tỉnh phê duyệt. Điểm c Khoản 4 Điều 40 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã”. Đồng thời theo Khoản 2 Điều 63: “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt” là căn cứ để thu hồi đất vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng.

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Trong quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích đầu tư kinh tế, phát triển đô thị... ngày càng nhiều. Vì vậy việc sử dụng đất cho các mục đích sản xuất phi nông nghiệp cần được tính toán hợp lý để đảm bảo được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đồng thời phải coi trọng đảm bảo ổn định đời sống dân sinh và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thị xã Duy Tiên đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng và mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực trong đời sống, kinh tế và xã hội, đặc biệt đối với lĩnh vực đất đai khi ngày càng làm thay đổi lớn về bộ mặt nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu đất đai (*chuyển đổi mục đích sử dụng đất*); sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là sự phát triển về thương mại, dịch vụ, du lịch cùng với sự phát triển của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Chính vì vậy, cần thiết phải có một cơ sở pháp lý hoàn thiện để thị xã Duy Tiên thực hiện việc giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam, UBND thị xã Duy Tiên đã tiến hành lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam”**.

2. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 7/05/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;
- Nghị định số 35/2015/NĐ - CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch chung thị xã Duy Tiên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/4/2022 của HĐND tỉnh Hà Nam về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 phân bổ chỉ tiêu đất cho tỉnh Hà Nam;

- Nghị quyết của HĐND tỉnh Hà Nam về các dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 ha đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên;

- Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh về cập nhật công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên.

- Các Quyết định đầu tư dự án, điều chỉnh quy mô, địa điểm dự án...

2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Bản vẽ quy hoạch chung thị xã đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Bản vẽ quy hoạch chi tiết các phân khu trên địa bàn thị xã Duy Tiên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2021 của thị xã Duy Tiên;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của thị xã Duy Tiên;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên đã được phê duyệt;

- Niên giám thống kê thị xã Duy Tiên các năm 2019, 2020, 2021.

- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Mục đích, yêu cầu của việc lập kế hoạch sử dụng đất

3.1. Mục đích

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của thị xã Duy Tiên trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của năm trước. Rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện được đối với phần diện tích được phân bổ sử dụng cho các mục đích khác nhau; kết quả phân diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm trước; các chỉ tiêu không có khả năng thực hiện; các chỉ tiêu cần phải điều chỉnh, bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 xây dựng phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

3.2. Yêu cầu

- Xác định rõ quy mô, diện tích, loại đất, địa điểm công trình, dự án trên bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch và cơ quan chấp thuận đầu tư, đặc biệt là các dự án có sử dụng đất lúa.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Số liệu phân tích đảm bảo độ chính xác, trung thực.

- Các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách phải có quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư hoặc đã được ghi vốn đầu tư. Các dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách phải có văn bản chấp thuận địa điểm hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bố cục của báo cáo

Báo cáo: “Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam” ngoài phần Đặt vấn đề và Kết luận, kiến nghị gồm 4 phần chính sau:

- Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023
- Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

5. Sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam và bảng biểu số liệu phân tích kèm theo;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên năm 2023 tỷ lệ 1:10.000 (dạng số và giấy);

- Bản đồ chuyên đề;
- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt;
- Đĩa CD lưu trữ các tài liệu trên.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Duy Tiên nằm ở phía Bắc của tỉnh Hà Nam, có phía Bắc giáp thành phố Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên, phía Nam giáp thành phố Phủ Lý, phía Tây giáp thành phố Hà Nội và huyện Kim Bảng. Tổng diện tích tự nhiên là 12.091,85 ha, phường Hòa Mạc là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của thị xã, nằm trên tuyến Quốc lộ 38 nối liền thị xã Duy Tiên với huyện Kim Bảng và thành phố Hưng Yên. Ngoài ra thị xã Duy Tiên còn có đường quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc - Nam, đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình và các tuyến đường tránh QL38, QL37B, QL38B; hiện nay các khu công nghiệp tập trung của tỉnh đã được đầu tư xây dựng ở đây.

Duy Tiên nằm trong vành đai của Vùng đô thị Hà Nội, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 60 km, với việc hình thành tuyến cao tốc Bắc - Nam là yếu tố thuận lợi để Duy Tiên phát triển; là điều kiện quan trọng tạo lợi thế so sánh cho Duy Tiên trong việc mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế với các địa phương khác.

b. Địa hình địa mạo

Thị xã có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng thuộc khu vực châu thổ Sông Hồng chủ yếu là vùn, vùn cao và tương đối bằng phẳng. Nhìn chung địa hình của thị xã khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và cây vụ đông. Địa hình của thị xã được chia thành 2 tiểu địa hình.

- Vùng ven đê sông Hồng và sông Châu Giang bao gồm các xã Mộc Nam, Mộc Bắc, Châu Giang, Yên Nam, Tiên Sơn ... có địa hình cao hơn, đặc biệt là khu vực núi Đọi, núi Điep thuộc các xã Tiên Sơn và Yên Nam.

- Vùng có địa hình thấp bao gồm các xã nội đồng như Tiên Nội, Tiên Ngoại, Yên Bắc chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của thị xã; độ cao phổ biến từ 1-2 m, bằng phẳng, xen kẽ là các gò nhỏ, ao, hồ, đầm.

c. Khí hậu

Duy Tiên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều thuộc khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam, đặc điểm nổi bật nhất là sự tương phản giữa mùa đông và mùa hè, cả về tính chất phạm vi và cường độ của các trung tâm khí áp, các khối không khí thịnh hành và hệ thống thời tiết kèm theo cũng thay đổi theo mùa.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10 với đặc trưng là nóng, ẩm và mưa nhiều. Hướng gió thịnh hành là gió Đông - Nam với tốc độ 2-

4m/s. Nhiệt độ trung bình cao nhất 38°C, lượng mưa từ 1.100-1.500 mm, chiếm 80% lượng mưa cả năm.

- Mùa khô: Bắt đầu từ giữa tháng 11 cho đến cuối tháng 3 năm sau, có khí hậu lạnh, ít mưa. Hướng gió thịnh hành là gió Đông – Bắc, thường gây lạnh đột ngột. Nhiệt độ trung bình thấp nhất là 15°C, lượng mưa ít, chỉ đạt từ 15-20% lượng mưa cả năm.

Sau đây là một số yếu tố khí hậu chính của thị xã:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm dao động 23,2°C đến 24,6°C.

+ Về mùa đông, nhiệt độ trung bình là 20,1°C. Các tháng lạnh nhất trong năm là tháng 1, 12. Nhiệt độ thấp nhất tới 6 – 8°C.

+ Về mùa hè nhiệt độ trung bình là 28°C. Các tháng nóng nhất trong năm là tháng 6, 7. Nhiệt độ cao nhất đến 32 - 35°C.

+ Biên độ nhiệt trong ngày nhỏ hơn 10°C

+ Lượng bức xạ mặt trời trung bình năm 100Kcal/cm²

+ Tổng tích ôn khoảng 8.300°C

- Lượng mưa: Lượng mưa hàng năm từ 1.800-2.000 mm. Mưa tập trung vào các tháng 7, 8, 9 với gần 80% tổng lượng mưa trong năm. Ngày có lượng mưa cao nhất lên đến 200-250 mm.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình trong cả năm dao động trong khoảng từ 83-85%. Các tháng có độ ẩm không khí cao là tháng 7 và tháng 8 (92%), thấp nhất vào các ngày có gió Tây Nam, có khi xuống dưới 80%.

- Nắng: Số giờ nắng trung bình năm 1.200-1.600 giờ, thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại cây trồng và trồng được nhiều vụ trong năm. Mùa đông số giờ nắng chiếm trung bình 28% tổng số giờ nắng cả năm. Có tháng chỉ có 17, 9 giờ nắng, trời âm u, độ ẩm cao sâu bệnh phát triển ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp. Mùa hè có tổng số giờ nắng lớn. Các tháng có số giờ nắng cao là tháng 5, 6, 10.

- Gió, bão: Tốc độ gió trung bình 2 - 2,3 m/s. Trong năm có hai hướng gió thịnh hành: Mùa đông có hướng gió thịnh hành là Đông Bắc, với tần suất 60-70% và tốc độ gió trung bình thường từ 2,4 - 2,6 m/s; Mùa hè có hướng gió thịnh hành là hướng Đông Nam, với tần suất 50-70% và tốc độ gió trung bình đạt 1,9 - 2,2 m/s. Khi có bão đổ bộ tốc độ gió đạt gần 40 m/s.

d. Thủy văn

Duy Tiên có mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc với 3 con sông lớn chảy qua là sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ với diện tích 452,68 ha, mật độ sông đạt 0,5 km/km², mức ú nước cao nhất là 0,5 m, thấp nhất là 0,1 m.

- Sông Hồng có lượng nước khá dồi dào là nguồn cung cấp nước chính cho tỉnh Hà Nam qua sông Nhuệ và các trạm bơm, cống ven sông. Chiều dài sông chạy qua tỉnh 38,64 km tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Hà Nam với tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình, hàng năm bồi đắp phù sa cho diện tích đất ngoài đê và cho đồng ruộng qua hệ thống bơm tưới từ sông Hồng.

- Sông Châu Giang đi qua địa phận thị xã từ Bạch Thượng qua đập Phúc và nối với sông Đáy tại Phủ Lý dài 28 km, đồng thời là ranh giới tự nhiên của huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân. Trên sông có đập ngăn nước làm nhiệm vụ tưới tiêu cho các vùng đất trong khu vực thị xã.

- Sông Nhuệ là sông đào nối sông Hồng tại Hà Nội và hợp lưu với sông Đáy tại Phủ Lý. Đoạn qua Duy Tiên dài 13 km, sông có tác dụng tiêu nước nội vùng đổ ra sông Đáy vào mùa mưa và tiếp nước cho sản xuất vào mùa khô.

Ngoài 3 sông chính, thị xã còn có mạng lưới các sông ngòi nhỏ với các ao, hồ, đầm là nguồn bổ sung và dự trữ rất quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô hạn.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

* *Nhóm đất phù sa*: Loại đất này được hình thành trên trầm tích của sông Hồng, sông Châu Giang, còn thể hiện rõ các đặc tính xếp lớp của trầm tích, thỏa mãn yêu cầu của vật liệu phù sa được xếp vào nhóm đất phù sa, được chia ra thành 4 loại sau:

- Đất phù sa glây: Loại đất này có diện tích 2.067,24 ha (chiếm 31,74% diện tích của nhóm) có nhiều ở các phường, xã: Yên Bắc, Châu Giang, Tiên Ngoại, Hoàng Đông, Tiên Nội... Là những đất phù sa phân bố ở những nơi có địa hình thấp, thường bị ngập nước hoặc tiêu chậm vào mùa mưa.

Khả năng sử dụng: Đây là loại đất có độ phì nhiêu tự nhiên tương đối khá, tuy nhiên có hạn chế do khả năng tiêu nước vào mùa mưa nên cũng ảnh hưởng tới chế độ canh tác cũng như hiệu quả sử dụng đất. Hiện tại, trên các loại đất này chủ yếu là gieo trồng 2 vụ lúa, và một số nơi chỉ trồng 1 vụ lúa. Nếu cải tạo tốt hệ thống tiêu nước vào mùa mưa có thể gieo trồng cả 3 vụ.

- Đất phù sa có tầng sét biến đổi: Đất phù sa có tầng sét biến đổi có khoảng 662 ha (chiếm 10,16% diện tích của nhóm) (gọi ngắn gọn là *tầng biến đổi*), phân bố rải rác ở nhiều xã, phường trong thị xã; có nhiều ở các phường: Đồng Văn, Hoàng Đông, Tiên Nội;

Loại đất này thường phân bố trên các chân ruộng vùn, là đất phù sa được hình thành do quá trình canh tác, đặc biệt là quá trình thủy lợi hóa đã làm tầng đất dưới có những biến đổi về cấu trúc, màu sắc và hàm lượng hữu cơ và thiếu

những đặc tính để có thể trở thành các tầng chẩn đoán khác.

Khả năng sử dụng: Đất phù sa có tầng biến đổi có thể sử dụng cho nhiều loại cây trồng, thích hợp cho việc phát triển cây lúa, màu. Hiện nay đang sử dụng nhiều loại cây trồng khác nhau với các hiệu quả kinh tế khác nhau.

- Đất phù sa chua: Đây là loại đất chiếm diện tích lớn, khoảng 2.159 ha (chiếm 33,15% diện tích của nhóm), phân bố tại hầu hết các phường, xã, chiếm diện tích lớn ở các phường, xã: Châu Giang, Yên Nam, Yên Bắc, Duy Minh, Trác Văn, Tiên Sơn;

Loại đất này trước đây là loại phù sa sông Hồng ít chua, sau đó do địa hình, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm mưa mùa ở nước ta, nước đã rửa trôi dần các chất kiềm làm cho đất trở nên chua, đặc biệt là lớp đất mặt. Đồng thời với quá trình rửa trôi đất, còn thấy hiện tượng kết von khá phổ biến. Kết von thường mềm, màu nâu đen xuất hiện khá sâu (80 - 100 cm). Tầng kết von tập trung thường có độ pH cao hơn trên và dưới. Kết von này có thể chủ yếu là do trong vụ hanh khô đất phơi trở trời, nước mạch bốc hơi đưa sắt và mangan lên tầng trên bị oxy hóa mà hình thành.

Khả năng sử dụng: Nhìn chung đây là loại đất mang bản chất phù sa màu mỡ, song do quá trình khai thác, sử dụng lâu đời, cộng với việc khai thác không có bồi dưỡng trở lại cho đất đã làm giảm độ phì nhiêu của đất.

- Đất phù sa ít chua: Loại đất này có diện tích 1.625 ha (chiếm 24,95% diện tích của nhóm), phân bố nhiều ở các xã Mộc Bắc, Chuyên Ngoại, Trác Văn, Tiên Sơn... dọc sông Hồng và sông Châu Giang.

Loại đất này hình thành do sự bồi đắp thường xuyên của phù sa hệ thống sông Hồng, với bản chất của phù sa là trung tính, kiềm yếu, đất tốt. Một số diện tích đất loại này nằm trong đê, mặc dù không được bồi đắp thường xuyên nhưng vẫn giữ được tính chất trung tính ít chua, là do đất nằm ở độ cao trung bình trong mỗi khu vực không cao quá để bị rửa trôi mạnh, cũng không thấp quá để bị glây.

Khả năng sử dụng: Loại đất này chủ yếu nằm dọc theo sông Hồng và sông Châu Giang, có độ phì nhiêu khá, thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là các loại rau màu, năng suất các cây trồng trên loại đất này khá cao.

* *Nhóm đất glây*: Nhóm đất glây được chia ra thành 2 loại đất: *Đất glây sẫm màu* có 79 ha (chiếm 4,30% diện tích của nhóm) và *Đất glây chua* có 1.760 ha (chiếm 95,70% diện tích của nhóm).

Loại đất glây được sử dụng chính với mục đích trồng lúa, một vài nơi kết hợp nuôi trồng thủy sản, có nhiều tại các phường, xã: Tiên Nội, Tiên Ngoại, Bạch Thượng, Yên Bắc, Mộc Nam, Yên Nam...

Đất hình thành trên trầm tích phù sa, không được bồi đắp phù sa trong thời gian dài, thường phân bố ở những nơi có địa hình thấp, bị động nước thường xuyên, có mực nước ngầm nông.

Khả năng sử dụng: Do có yếu tố hạn chế về ngập nước thường xuyên và sự xuất hiện tầng gley nông, trên những loại đất này hiện tại chỉ gieo trồng được một hoặc hai vụ lúa. Trên loại đất này một số nơi đã chuyển đổi cơ cấu mùa vụ sang lúa - cá đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nếu cải thiện được hệ thống tưới tiêu, có thể chuyển diện tích một vụ sang hai vụ lúa, thậm chí có thể gieo trồng cả ba vụ. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, có nơi nên cải tạo hệ thống tưới tiêu để thâm canh tăng vụ nhưng cũng có nơi nên phát triển kết hợp giữa trồng lúa và nuôi trồng thủy sản.

* *Nhóm đất tầng mỏng:* Nhóm đất tầng mỏng (LP) có diện tích nhỏ, không đáng kể, xuất hiện ở một vài quả đồi thuộc xã Yên Nam với khoảng 5,00 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên. Loại đất này hình thành trên khu vực đồi dốc, thảm thực vật che phủ kém, quá trình rửa trôi xói mòn xảy ra mạnh mẽ. Nhóm đất này chỉ có duy nhất 1 loại đất chính là đất tầng mỏng chua, đất có thành phần cơ giới là thịt pha cát, tầng đất mỏng, hàm lượng mùn và đạm thấp. Do đó có ý nghĩa cho sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trên loại đất này chỉ trồng rừng kết hợp với các biện pháp chống xói mòn bảo vệ đất.

Đánh giá chung: Đất đai thị xã Duy Tiên có địa hình tương đối bằng phẳng, hàm lượng các chất dinh dưỡng ở mức trung bình khá là một trong những điều kiện thuận lợi cơ bản để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và bền vững trên cơ sở áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

b. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của thị xã Duy Tiên được nhìn nhận và đánh giá trên cơ sở nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

Nguồn nước mặt: Chủ yếu là nước sông, hồ, ao, trong đó: sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ là nguồn cung cấp nước chính. Về mùa mưa do ảnh hưởng của mưa lớn tập trung gây ra tình trạng ngập úng cục bộ đối với những vùng đất thấp trũng. Mặt khác thị xã còn có mạng lưới kênh rạch nhỏ và ao, hồ khá dày đặc là nguồn cung cấp, dự trữ quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra lượng nước mưa hàng năm cũng là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt nhân dân.

Nguồn nước ngầm: Qua khảo sát ban đầu cho thấy thị xã có nguồn nước ngầm khá dồi dào ở độ sâu dễ khai thác. Nồng độ sắt trong nước khá cao và có xu hướng tăng dần theo hướng từ Đông sang Tây. Nguồn nước ngầm đặc trưng của vùng châu thổ sông Hồng với hai tầng nước ngầm hệ Thái Bình và hệ Hà Nội.

- Tầng chứa nước Holoxen Thái Bình có chiều dày nhỏ, là tầng chứa nước đầu tiên ngay trên mặt đất. Khu vực có thể sử dụng được chỉ chiếm 50% diện tích (lượng khoáng hoá <1mg/lít).

- Tầng chứa nước Pleistoxen thuộc hệ tầng Hà Nội có chất lượng nước biến thiên từ mặn đến nhạt, tầng chứa nước có chiều dày từ 10 – 15 m. Nồng độ sắt trong nước tăng dần theo chiều từ biển vào đất liền.

Nói chung, nguồn nước của thị xã dồi dào và dễ khai thác đưa vào sử dụng. Chất lượng nước mặt khá tốt, nước ngầm nếu khai thác đưa vào sử dụng phải qua quá trình xử lý làm sạch.

c. Tài nguyên khoáng sản

Vùng đất ven sông Châu Giang, có các mỏ sét rộng ở độ sâu từ 0,5 - 1,5m, được khai thác sử dụng làm vật liệu xây dựng. Ngoài ra, ở bãi bồi sông Hồng, các vùng ruộng trũng còn có sét trầm tích dày từ 1- 3m có thể khai thác, sử dụng.

Ở một số xã nằm sát sông Hồng còn có thể khai thác cát phục vụ cho xây dựng, san lấp, tuy nhiên trữ lượng không nhiều và phụ thuộc vào dòng chảy hàng năm của sông.

1.1.3. Thực trạng môi trường

Duy Tiên đang trong thời kỳ phát triển, môi trường sinh thái hiện nay đã bị tác động bởi nước thải công nghiệp, rác thải dân cư, ô nhiễm môi trường không khí do xây dựng, khí thải công nghiệp, giao thông... Bên cạnh đó, do việc sử dụng phân hoá học, thuốc trừ sâu cũng gây tác hại không nhỏ đến môi trường nước, đất, không khí. Trong giai đoạn tới cùng với thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có biện pháp hạn chế sự ô nhiễm môi trường trên địa bàn thị xã.

Kết quả phân tích trong năm 2020 cho thấy sông trên địa bàn thị xã Duy Tiên bị ô nhiễm chất dinh dưỡng nặng thể hiện qua nồng độ NH_4^+ khá cao tại vị trí trạm bơm Hoàn Uyển dao động trong khoảng 1,19- 5,6 mg/l-N, tại vị trí cầu Hòa Mạc dao động trong khoảng 0,56-1,83 mg/l-N vượt nhiều lần giới hạn cho phép. Nồng độ các chất hữu cơ như COD, BOD_5 cũng vượt giới hạn cho phép, cụ thể tại trạm bơm Hoàn Uyển nồng độ COD trung bình là 26mg/l vượt giới hạn 1,73 lần, nồng độ BOD_5 là 16mg/l vượt 2,67 lần; tại cầu Hòa Mạc nồng độ COD trung bình là 35mg/l vượt 2,3 lần, nồng độ BOD_5 trung bình là 23mg/l vượt giới hạn 3,8 lần. Hàm lượng Coliform trung bình tại trạm bơm Hoàn Uyển vượt giới hạn 6,38 lần và tại cầu Hòa Mạc vượt 1,67 lần. NO_2^- tại các vị trí lấy mẫu đều vượt giới hạn cho phép.

(Nguồn: Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Duy Tiên)

1.2. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế- xã hội

1.2.1. Lĩnh vực kinh tế

a. Sản xuất nông nghiệp-nông thôn

Tổng diện tích gieo cấy lúa vụ Xuân 2022: 3.665,2 ha, đạt 100,4% kế hoạch. Cơ cấu mùa vụ 100 % diện tích được gieo cấy trà Xuân muộn; Tổng diện tích gieo trồng cây màu 764,9 ha; Duy trì 7 cánh đồng mẫu cấy lúa hàng hóa với tổng diện tích 233 ha tại các xã Tiên Sơn, Mộc Bắc, Châu Giang, Yên Bắc; Mô hình cấy lúa bằng máy được 120 ha. Thực hiện Đề án phát triển tổ dịch vụ mạ khay cấy máy tại Chuyên Ngoại với diện tích thực hiện 29 ha, đạt 116% so với Kế hoạch tỉnh giao. Mô hình trình diễn giống lúa mới được thực hiện tại Tiên Sơn, Châu Giang, Tiên Nội với diện tích 43,3 ha. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất lúa tại phường Châu Giang quy mô 13,01 ha. Phun thuốc BVTV bằng máy bay không người lái tại Chuyên Ngoại, Tiên Sơn, Tiên Nội, Mộc Bắc, Yên Nam, Hoàng Đông... với diện tích 230 ha. Vụ Xuân, lúa và cây màu đều sinh trưởng, phát triển tốt. Năng suất lúa đạt 67,2 tạ/ha.

Tổng diện tích gieo cấy vụ mùa toàn thị xã đạt 3.483,6 ha (đạt 95,4% kế hoạch). Duy trì 7 cánh đồng mẫu cấy lúa hàng hóa với tổng diện tích 233 ha; Cấy lúa bằng máy được 250 ha; Chỉ đạo triển khai thực hiện các mô hình trình diễn giống lúa mới diện tích 18 ha; Mô hình cấy lúa bằng máy với diện tích 159 ha; Phun thuốc BVTV bằng máy bay không người lái với diện tích 124 ha; Duy trì và phát triển Tổ dịch vụ mạ khay cấy máy tại phường Châu Giang. Phối hợp triển khai thực hiện trình diễn giống lúa mới với diện tích 07 ha (tại Tiên Sơn, Châu Giang) và tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất lúa tại phường Châu Giang quy mô 13,01 ha. Tổng diện tích gieo trồng cây màu 571,6 ha. Đánh giá sơ bộ cho thấy lúa Mùa phát triển tương đối tốt, dự kiến cho năng suất đạt 55,5 tạ/ha.

Chăn nuôi phát triển ổn định. Tổng đàn lợn hiện có 38 nghìn con, đàn gia cầm, thủy cầm 1,3 triệu con. Diện tích nuôi trồng thủy sản 885 ha tập trung ở các khu sản xuất đa canh, trang trại của các xã; Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa, hiện nay toàn thị xã có 3.576 con bò sữa, sản lượng sữa 9 tháng đầu năm đạt 7.800 tấn; Duy trì và phát triển được 4 mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ “*Sông trong ao*” với diện tích 10,84ha.

Phối hợp triển khai thực hiện Đề án phát triển đàn lợn nái áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo trên địa bàn các xã, phường (Tiên Sơn, Châu Giang, Mộc Nam) cho 04 hộ tham gia liên kết với Công ty GreenFeed mua lợn với tổng số lượng 40 con (*mỗi hộ 10 con*). Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; Chỉ đạo *thực hiện tốt công tác quản*

lý nhà nước đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh; Chỉ đạo các HTXDVNN triển khai làm thủy lợi Đông xuân được 64.380m³ (đạt 110,1% kế hoạch); Công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất vụ Đông xuân đạt hiệu quả cao, nhanh gọn, kịp thời, đảm bảo 100% diện tích đủ nước gieo cấy; Chuẩn bị tốt các điều kiện, vật tư, phương tiện, nhân lực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

* Xây dựng nông thôn mới: Ban hành các văn bản chỉ đạo xây dựng NTM như các quyết định về kiện toàn, bổ sung thành viên Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo, Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới thị xã Duy Tiên giai đoạn 2020-2025; Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng xã NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí mới tại xã Trác Văn, Chuyên Ngoại. Chỉ đạo, hướng dẫn các xã còn lại rà soát, cập nhật đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí mới. Phối hợp ra mắt Mô hình “Dân vận khéo” trong thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và tổ chức hướng dẫn cho các chủ thể có ý tưởng sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP năm 2022 trên địa bàn thị xã Duy Tiên. Chỉ đạo đăng ký ý tưởng sản phẩm tham gia Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) năm 2022.

b. Sản xuất Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất CN - TTCN (giá SS 2010) ước đạt 68.288 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 77,42% kế hoạch năm.

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, trọng tâm là du lịch và logistics tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo và dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

c. Tài chính-Tín dụng-Thương mại- khoa học công nghệ

Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế thị xã, các cơ quan liên quan và UBND các xã, phường tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng thu ngân sách, thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 448,05 tỷ đồng, tăng 42,53% so với cùng kỳ, bằng 54,62% kế hoạch năm (trong đó: thu từ tiền sử dụng đất ước đạt 312,3 tỷ đồng). Kim ngạch xuất khẩu đạt ước 1.767 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 79,26% kế hoạch năm; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 7.323 tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 77,66% kế hoạch năm.

- Tăng cường công tác chống buôn bán hàng lậu, hàng giả, hàng cấm, hàng kém chất lượng, vi phạm về an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với Sở Công thương khảo sát nhu cầu xây dựng "Gian hàng Việt trực tuyến" trên "Sàn Thương mại điện tử" tại các doanh nghiệp, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Bước đầu, đã có 03 đơn vị đăng ký tham gia.

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hưởng ứng ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2022 trên địa bàn thị xã; Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Thương hiệu Việt Nam năm 2022 trên địa bàn thị xã.

- Triển khai thực hiện kế hoạch duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

d. Tài nguyên và Môi trường

Công tác quản lý đất đai, quản lý môi trường, khoáng sản, nước được tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc: Chỉ đạo cập nhật biến động, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định (*trong đó 317 hồ sơ đính chính sai sót*).

- Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của thị xã năm 2022; xin chấp thuận vị trí xây dựng trạm y tế phường Đồng Văn; đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy định bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa năm 2022 trên địa bàn thị xã Duy Tiên.

- Cấp 211 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 211 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã; Ban hành Thông báo thu hồi 52,36 ha đất cho 935 hộ gia đình cá nhân, tổ chức và Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, sử dụng để xây dựng thực hiện 16 dự án trên địa bàn thị xã. Ban hành 1347 Quyết định thu hồi 55,38 ha đất đối với 1.347 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và Ủy ban nhân dân xã sử dụng, quản lý; Ban hành quyết định phê duyệt 36 phương án bồi thường GPMB để thực hiện 22 dự án đầu tư trên địa bàn thị xã với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 155,86 tỷ đồng.

- Chỉ đạo, đôn đốc, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai trên địa bàn.

- Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan đơn vị, các xã, phường làm tốt công tác ra quân tổng vệ sinh môi trường, thu gom, bốc xúc, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị xã về nhà máy xử lý theo quy định. Trung bình lượng rác thải thu gom về nhà máy xử lý khoảng 64 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải quý III năm 2022 ước đạt 99,17 tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước (*quý 3 năm 2021 đạt 98,71%*).

1.2.2. Lĩnh vực Văn hoá-Xã hội

a. Văn hoá và thông tin

Công tác quản lý văn hóa, Thông tin và Truyền thông được quan tâm chỉ đạo. Chỉ đạo tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước và những nhiệm vụ chính trị của địa phương. các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi, rộng khắp với các tiết mục văn nghệ phong phú về thể loại, chào mừng các ngày lễ lớn của Đất nước, của ngành, địa phương thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, tạo không khí vui tươi phấn khởi góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của thị xã.

Chỉ đạo xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trên địa bàn thị xã Duy Tiên; dự thảo Đề án thí điểm xây dựng không gian đi bộ gắn với phát triển thương mại, du lịch trên địa bàn thị xã báo cáo Ban Thường vụ Thị ủy.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm; phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục được duy trì và phát triển. Tổ chức tốt lễ hội Tịch điền Đọi Sơn, Lễ hội chùa Long Đọi Sơn năm và Lễ hội Đền Lảnh Giang năm 2022 để lại ấn tượng tốt đẹp đối với du khách thập phương và nhân dân. Phối hợp tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa đền Lảnh Giang trong Kỷ nguyên số”. Tổ chức thành công Đại hội TDTT thị xã Duy Tiên lần thứ IX, năm 2022. Tuyển chọn, VĐV tham gia các bộ môn thi đấu trong khuôn khổ Đại hội TDTT tỉnh Hà Nam lần thứ VI. Tăng cường công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn thị xã; Duy trì và phát triển hoạt động các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại các thôn, xóm, tổ dân phố nhằm nâng cao sức khỏe và đời sống tinh thần của nhân dân.

b. Giáo dục và đào tạo

Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chỉ đạo các trường thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid – 19; Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn thị xã tăng cường các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; ngăn chặn, phòng ngừa và khắc phục các yếu tố có nguy cơ mất an toàn và an ninh trường học; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chỉ đạo các trường thực hiện nghiêm túc thu, chi đầu năm theo đúng luật quy định của pháp luật.

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền công tác phát triển giáo dục, huy động được các lực lượng xã hội tham gia sự nghiệp giáo dục. Tăng cường kỷ cương, nề nếp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục. Chỉ đạo tốt chức tốt Lễ Khai giảng năm học mới 2022-2023 theo đúng sự chỉ đạo

của các cấp. Chỉ đạo ngành giáo dục và các trường ổn định nền nếp và thực hiện nghiêm túc chương trình dạy và học theo quy định từ buổi học đầu tiên.

Chỉ đạo thực hiện đề án hướng nghiệp, đào tạo nghề, phân luồng và liên thông trong giáo dục đào tạo của thị xã duy tiên, giai đoạn 2020-2030. Chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Đến nay toàn thị xã đã có 52/52 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 100%; 16/16 xã, phường có cả 3 ngành học đạt chuẩn Quốc gia.

c. Y tế-Dân số-Kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, kịp thời các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19; Chỉ đạo tiêm phòng Covid-19 cho các đối tượng đủ điều kiện. Thực hiện tốt Nghị quyết số 128 ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hành nghề y, dược, mỹ phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác khám và điều trị tại các tuyến. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn thị xã ước đạt 88.5%.

d. Lao động - Thương binh và Xã hội

Các chế độ chính sách đối với người có công được bảo đảm theo quy định; triển khai kịp thời chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt công tác hỗ trợ cho người nghèo. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách về Bảo trợ xã hội và giảm nghèo; Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo nghề, tạo việc làm mới 4.191 người/4.900 người, đạt tỷ lệ 85,53%; Làm thêm 3.320 người/4.900 người đạt tỷ lệ 67,75%; xuất khẩu lao động 83/150 người đạt tỷ lệ 55,33%. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các xã, phường thực hiện nghiêm công tác rà soát, lập danh sách đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định.

e. Công tác an ninh quốc phòng

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế trọng điểm, không để xảy ra các vụ việc phức tạp. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội đạt nhiều kết quả. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự được nâng cao. Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông- trật tự công cộng. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn thị xã.

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Công tác huấn luyện, tuyển quân, giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện đúng quy định. Bàn giao 199 thanh niên cho các đơn vị nhận quân năm 2022 đảm bảo chất lượng, đúng

thời gian quy định. Tổ chức tiếp nhận 217 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an trở về địa phương, đăng ký, quản lý trong ngạch dự bị đúng quy định. Chỉ đạo khám sức khỏe và hoàn thiện hồ sơ cho 32 trường hợp đăng ký tuyển sinh quân sự vào các Học viện nhà trường trong quân đội, bảo đảm công khai, đúng hướng dẫn, chất lượng tốt. ra Quyết định giao chỉ tiêu gọi quân nhân dự bị tham gia huấn luyện năm 2022 bảo đảm 100% chỉ tiêu bàn giao cho đơn vị huấn luyện. Làm tốt chính sách hậu phương quân đội.

f. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân

Công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện nghiêm túc theo quy định pháp luật. Thanh tra 03 cuộc đối với 7 đơn vị về lĩnh vực quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng và lĩnh vực quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách. Tổng số lượt tiếp công dân là 217 lượt (228 người) giảm 355 lượt người so cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là 572 lượt người). Tổng số vụ việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh là 83 vụ việc (Thuộc thẩm quyền UBND thị xã: 15 vụ việc; Thuộc thẩm quyền UBND xã, phường: 68 vụ việc). Các vụ việc đã và đang được giải quyết và chỉ đạo giải quyết theo đúng thẩm quyền. Công tác phòng, chống tham nhũng thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật.

1.2.3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

- Tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Xây dựng, phát triển đô thị; Kiến trúc, quy hoạch xây dựng; Vật liệu xây dựng; Nhà ở và công sở; Hạ tầng kỹ thuật đô thị; Giao thông vận tải; Quản lý trật tự đô thị.

- Ban hành 400 văn bản chỉ đạo và triển khai các lĩnh vực: Xây dựng; Phát triển đô thị; Kiến trúc, quy hoạch xây dựng; Vật liệu xây dựng; Nhà ở và công sở; Hạ tầng kỹ thuật đô thị; Giao thông vận tải; Quản lý trật tự xây dựng đô thị..

- Trình Sở Xây dựng thẩm định và đã được UBND tỉnh phê duyệt 2 đề án Quy hoạch. Trình Sở Xây dựng thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch 3 đề án (cả 03 đề án đã tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn và đang hoàn thiện hồ sơ đề án quy hoạch).

- Lập, thẩm định và phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của 09 phường. Thẩm định, phê duyệt 3 đề án Quy hoạch và tham gia ý kiến vào các đề án quy hoạch theo thẩm quyền.

- Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với 02 khu nhà ở trên địa bàn với tổng quy mô 47 ha.

- Lập, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư 09 dự án với tổng diện tích 297,5ha. Trình UBND tỉnh: Phê duyệt Hồ sơ đề xuất của 09 dự án, với tổng diện tích 253,5ha; chấp thuận chủ trương nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư 09 dự án đô thị với tổng diện tích 172,6ha và 04 dự án Nhà ở xã hội.

- Thu hút đầu tư và trình UBND tỉnh thành lập Cụm công nghiệp Trác Văn quy mô 56,65ha. Thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Yên Lệnh và Cụm công nghiệp Trác Văn với tổng quy mô 125,71ha.

- Phối hợp với Sở Xây dựng lập Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Hà Nam năm 2022.

- Chỉ đạo công tác giải tỏa hành lang ATGT trên các tuyến đường trên địa bàn thị xã. Chỉ đạo thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 95 công trình đầu tư xây dựng; cấp 140 giấy phép xây dựng nhà ở, với tổng diện tích 36.385,96m². Kiểm tra công tác nghiệm thu 60 công trình trên địa bàn thị xã để chủ đầu tư làm cơ sở tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Thực hiện giải phóng mặt bằng 24 dự án trên địa bàn (trong đó: 2 Dự án đã hoàn thành; 7 Dự án cơ bản hoàn thành; 15 Dự án đang thực hiện dở dang). Giải quyết những tồn tại vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn.

b. Thực trạng phát triển nông thôn

Hệ thống cơ sở hạ tầng trong các khu dân cư nông thôn có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước. Giao thông nông thôn có nhiều tiến bộ cả về hạ tầng và phương tiện đi lại. Tỷ lệ các hộ dân dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%. Hệ thống điện, thông tin, bưu điện, phát thanh truyền hình, các cơ sở văn hoá xã hội phục vụ công cộng ngày càng được chú ý đầu tư xây dựng. Hầu hết nhà ở của nhân dân đã được bê tông hoá. Xu hướng đô thị hoá nông thôn diễn ra rất nhanh, hình thành một số trung tâm cụm xã là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tiểu vùng.

1.2.4. Thực trạng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

Trên địa bàn thị xã Duy Tiên có 3 loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt và đường thủy.

Đường bộ:

* Giao thông đối ngoại đường bộ gồm các tuyến

- Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Đoạn qua thị xã Duy Tiên - Hà Nam có chiều dài khoảng 10 km, cấp đường cao tốc loại A, tốc độ thiết kế 100 - 120km/h. Hiện tại, tuyến qua địa bàn đang được xây dựng mặt cắt ngang đường 4 làn xe cơ giới (chiều rộng mặt đường 28 m, chỉ giới đường đỏ 80 m). Đoạn qua thị xã Duy Tiên có nút giao khác mức liên thông là nút giao với QL38 tại Vực Vòng. Các nút giao còn lại với các đường khác là các nút giao trực thông bằng cầu vượt.

- Quốc lộ 1A: Đoạn qua thị xã Duy Tiên có chiều dài khoảng 7,9 km. Hiện nay, đã hoàn thành nâng cấp cải tạo thành đường cấp III-ĐB, 4 làn xe (chiều rộng mặt đường 20 m, chỉ giới đường đỏ 60 m).

- Tuyến tránh Quốc lộ 1A có chiều dài 3 km, chiều rộng mặt đường 12,0 m, chỉ giới hành lang 15 m.

- Quốc lộ 37B: Đoạn qua thị xã Duy Tiên có chiều dài khoảng 10 km, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

- Quốc lộ 38: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 13,7 km, hiện đã được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, mặt đường trải nhựa, chiều rộng mặt đường 11 m, chỉ giới đường đỏ 41 m.

- Tuyến tránh Quốc lộ 38 có chiều dài 10,2 km, chiều rộng mặt đường 12,0 m, chỉ giới hành lang 15 m.

- Quốc lộ 38B: Đoạn qua xã Chuyên Ngoại sang huyện Lý Nhân có chiều dài khoảng 3,5 km, chiều rộng mặt đường 9 m.

- Đường tỉnh 493: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 2 km, là đường cấp VI-ĐB, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

- Đường tỉnh 493B: Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài 1,5 km, chiều rộng mặt đường 6,5 m, chỉ giới đường đỏ 16,5 m.

* Giao thông đối nội:

- Hệ thống đường trung tâm thị xã: Hòa Mạc, Yên Bắc, mạng lưới đường đang dần hình thành theo quy hoạch. Các đường trục chính trung tâm được rải nhựa, hè đường đã được xây dựng. Các tuyến đường khu vực, phân khu vực có mặt đường bê tông xi măng, chỉ có lề đường chưa được lát gạch.

- Đường giao thông liên phường, liên xã, và giao thông nội bộ trong các khu dân cư: Tổng chiều dài hệ thống đường trên địa bàn thị xã là 148,62 km, đã cứng hóa được trên 90%; mật độ đường giao thông bình quân đạt 1,76 km/km².

* Giao thông đường sắt:

- Tuyến đường sắt qua tỉnh Hà Nam thuộc tuyến đường sắt Thống Nhất, khổ đường 1.000 mm. Đoạn qua thị xã Duy Tiên dài khoảng 7,9 km. Trong những năm gần đây, tuyến đường này đã được cải tạo, nâng cấp từng bước, chất

lượng vận tải có tốt hơn. Tuy nhiên, tuyến vẫn còn tồn tại cần phải khắc phục trong những năm tương lai.

- Ga: đường sắt qua khu vực có ga Đồng Văn với 03 đường ga, chiều dài khoảng 500 m, quy mô và chất lượng còn hạn chế.

* Giao thông đường thủy:

- Chủ yếu là 3 tuyến sông chính: Sông Hồng, sông Nhuệ và sông Châu Giang đi các tỉnh Nam Định, Hà Nội, Hưng Yên ... thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hoá với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Từ nay đến năm 2020 Cảng dùng chung Yên Lệnh sẽ được đầu tư xây dựng, là nơi tập trung và vận chuyển hàng hóa của tỉnh đi các nơi khác, đặc biệt lại gần với khu công nghiệp Đồng Văn nên việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, sản phẩm rất thuận lợi.

b. Thủy lợi, sông ngòi

Duy Tiên đang trong giai đoạn đô thị hóa mạnh mẽ, phát triển mạnh về công nghiệp, vì vậy diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi để phục vụ cho đô thị hóa, công nghiệp hóa là rất lớn. Vì vậy hệ thống thủy lợi của thị xã cũng bị ảnh hưởng.

Duy Tiên có địa hình thấp, bốn bề là sông bao bọc nên thủy lợi của Duy Tiên luôn được quan tâm hàng đầu. Hiện nay trên địa bàn thị xã có 20 trạm bơm lớn do công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý (7 trạm chuyên tiêu, 11 trạm tưới tiêu kết hợp và 2 trạm chuyên tưới) được chia thành 158 tổ máy với tổng công suất 247.500 m³/h; 27 công dưới đê cấp I (17 công tưới và 10 công tiêu), 204 công nội đồng cấp II (105 công tưới và 99 công tiêu); 30 tuyến kênh cấp I với tổng chiều dài 117 km (71km kênh tưới và 46km kênh tiêu); 196 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 163,5km (93 km kênh tưới và 80,5 km kênh tiêu).

Nhìn chung hệ thống thủy lợi của Duy Tiên phân bố tương đối đồng đều với mật độ khá cao ở các phường, xã, đã góp phần rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên một số công trình như kênh A4-6, đê hoành Uyển từ QL 1A đến trạm bơm Chợ Lương, kênh tiêu trạm bơm Yên Lệnh trong thời gian tới cần được nâng cấp và tu sửa kịp thời để đảm bảo việc tưới tiêu kịp thời.

- Năng lượng: Hiện đã có 100% số xã, phường trong thị xã được sử dụng điện lưới quốc gia phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Cơ sở hạ tầng ngành điện của thị xã đã được đầu tư khá đồng bộ, bao gồm: 51,06 km đường trung cao thế từ 10KV đến 35KV; 571,61 km đường hạ thế; 68 trạm biến áp với tổng công suất 13.040 KVA. Khu Công nghiệp Đồng Văn đã có trạm biến áp 110 KV đáp ứng nhu cầu về điện cho các cơ sở sản xuất.

- Bưu chính viễn thông: Hệ thống phát thanh truyền truyền cổ động không ngừng thông tin kịp thời những diễn biến thời sự, văn hóa, xã hội trong nước và

quốc tế cho người dân. Tuyên truyền, giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân hiểu và thực hiện theo chủ trương Đường lối của Đảng và Nhà nước.

Những năm qua bưu chính viễn thông thị xã đã có những bước phát triển đột phá, đến nay 100% các cơ quan xí nghiệp, công sở, trường học, trạm, trại, tư nhân lắp điện thoại. Việc thông tin liên lạc luôn đảm bảo nhanh thông suốt, kịp thời chính xác đã góp phần tích cực trong điều hành sản xuất, kinh doanh cũng như nhu cầu trao đổi thông tin của nhân dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Cơ sở xác định hiện trạng sử dụng đất năm 2022 thị xã là từ số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2021 là số liệu gốc, lập bảng chu chuyển các loại đất chuyển mục đích sử dụng từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2022 để ra được hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2022. Cụ thể:

Tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã đến 31/12/2022 là 12.091,85 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 6.402,94 ha, chiếm 52,95% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 5.622,86 ha, chiếm 46,50% diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 66,05 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích tự nhiên;

a. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa: Đến 31/12/2022, đất trồng lúa có diện tích là 4.307,80 ha, chiếm 67,28% tổng diện tích đất nông nghiệp, nhiều nhất tại xã Tiên Sơn, xã Tiên Ngoại, xã Yên Nam.

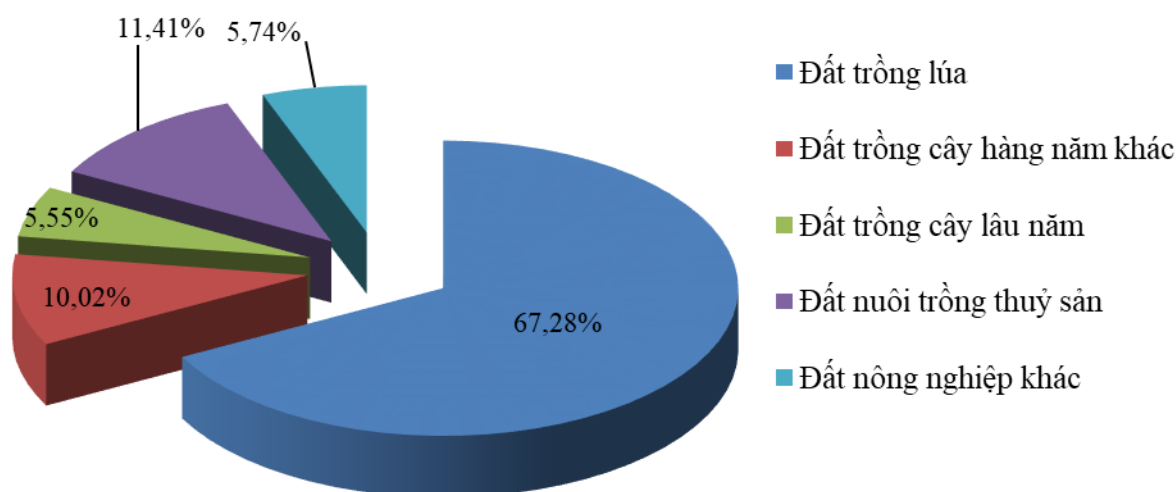
- Đất trồng cây hàng năm khác: Đến 31/12/2022, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 641,28 ha, chiếm 10,02% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố nhiều tại xã Mộc Bắc và xã Trác Văn.

- Đất trồng cây lâu năm: Đến 31/12/2022, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 355,24 ha, chiếm 5,55% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung chủ yếu tại phường Châu Giang, xã Tiên Sơn.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Đến 31/12/2022 đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 730,84 ha, chiếm 11,41% tổng diện tích đất nông nghiệp, phân bố chủ yếu tại phường Châu Giang và xã Chuyên Ngoại.

- Đất nông nghiệp khác: Đến 31/12/2022, đất nông nghiệp khác có diện tích là 367,78 ha, chiếm 5,74% tổng diện tích đất nông nghiệp, tập trung tại xã Mộc Bắc.

Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2022 thị xã Duy Tiên



b. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

- Đất quốc phòng: Đến 31/12/2022, đất quốc phòng có diện tích là 15,37 ha, chiếm 0,27% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung nhiều trên địa bàn xã Tiên Sơn và phường Yên Bắc. Việc sử dụng đất quốc phòng đã tuân thủ quy định nhằm sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đảm bảo tính cơ động, kịp thời.

- Đất an ninh: Đến 31/12/2022, đất an ninh có diện tích là 32,92 ha, chiếm 0,59% diện tích đất phi nông nghiệp, tập trung nhiều tại phường Hoàng Đông.

- Đất khu công nghiệp: Đến 31/12/2022, đất khu công nghiệp có diện tích là 1.046,12 ha, chiếm 18,60% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cụm công nghiệp: Đến 31/12/2022, đất cụm công nghiệp có diện tích là 65,85 ha, chiếm 1,17% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất thương mại, dịch vụ: Đến 31/12/2022, đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 8,22 ha, chiếm 0,15% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đến 31/12/2022, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 191,46 ha, chiếm 3,41% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Đến 31/12/2022, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích là 74,60 ha, chiếm 1,33% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất phát triển hạ tầng: Đến 31/12/2022, đất phát triển hạ tầng có diện tích là 2.206,34 ha, chiếm 39,24% tổng diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

+ Đất giao thông: Đến 31/12/2022, đất giao thông có diện tích là 1.306,70 ha, chiếm 59,22% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất thủy lợi: Đến 31/12/2022, đất thủy lợi có diện tích là 523,76 ha, chiếm 23,74% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Đến 31/12/2022, đất cơ sở văn hóa có diện tích là 20,62 ha, chiếm 0,93% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Đến 31/12/2022, đất cơ sở y tế có diện tích là 8,35 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: bao gồm diện tích khuôn viên các trường mầm non, tiểu học, trung học... Đến 31/12/2022, đất cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích là 143,39 ha, chiếm 6,50% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Đến 31/12/2022, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích là 21,05 ha, chiếm 0,95% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất công trình năng lượng: Đến 31/12/2022, đất công trình năng lượng có diện tích là 6,86 ha, chiếm 0,31% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống tải điện, hệ thống mạng truyền thông...

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Đến 31/12/2022, đất công trình bưu chính có diện tích là 1,02 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Đến 31/12/2022, đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích là 2,86 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Đến 31/12/2022, đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 31,54 ha, chiếm 1,43% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, gồm diện tích các chùa, nhà thờ, thánh thất...

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Đến 31/12/2022, đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích là 133,59 ha, chiếm 6,05% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

+ Đất chợ: Đến 31/12/2022, đất chợ có diện tích là 6,59 ha, chiếm 0,30% tổng diện tích đất phát triển hạ tầng.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Đến 31/12/2022, đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích 8,74 ha, chiếm 0,16% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại nông thôn: Đến 31/12/2022, đất ở tại nông thôn có diện tích là 603,57 ha, chiếm 10,73% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: Đến 31/12/2022, đất ở tại đô thị có diện tích là 754,38 ha, chiếm 13,42% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến 31/12/2022, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 16,45 ha, chiếm 0,29% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Đến 31/12/2022, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích là 0,53 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến 31/12/2022, đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 18,90 ha, chiếm 0,34% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đến 31/12/2022, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 451,55 ha, chiếm 8,03% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến 31/12/2022, đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 110,46 ha, chiếm 1,96% tổng diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất phi nông nghiệp khác: Đến 31/12/2022, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 17,40 ha, chiếm 0,31% diện tích đất phi nông nghiệp.

c. Đất chưa sử dụng

Đến 31/12/2022 đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã còn 66,05 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		12.091,85	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.402,94	52,95
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.307,80	67,28
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.195,12</i>	<i>97,38</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	641,28	10,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	355,24	5,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	730,84	11,41
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	367,78	5,74
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.622,86	46,50
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,37	0,27
2.2	Đất an ninh	CAN	32,92	0,59
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.046,12	18,60
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	65,85	1,17
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	8,22	0,15
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	191,46	3,41
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	74,60	1,33

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.206,34	39,24
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	1.306,70	59,22
-	Đất thủy lợi	DTL	523,76	23,74
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,62	0,93
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,35	0,38
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	143,39	6,50
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	21,05	0,95
-	Đất công trình năng lượng	DNL	6,86	0,31
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,02	0,05
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,86	0,13
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,54	1,43
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	133,59	6,05
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	6,59	0,30
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,74	0,16
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	603,57	10,73
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	754,38	13,42
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	16,45	0,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,01
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	18,90	0,34
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	451,55	8,03
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	110,46	1,96
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	17,40	0,31
3	Đất chưa sử dụng	CSD	66,05	0,55

2.1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về cập nhật công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất tính đến 31/12/2022 của thị xã Duy Tiên như sau:

Tổng số công trình, dự án được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 155 dự án. Trong đó số công trình, dự án cập nhật, điều chỉnh thực hiện năm 2022 là 24 công trình với diện tích là 381,66 ha (cập nhật, bổ sung 18 công trình dự án, điều chỉnh 06 dự án về diện tích và tên dự án đáp ứng nhu cầu đất đai trên địa bàn thị xã). Kết quả thực hiện như sau:

- Số công trình, dự án đã có quyết định thu hồi đất hoặc giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 37 công trình, dự án. Trong đó:

+ Có 25 dự án đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 166,26 ha;

+ Có 21 dự án thu hồi đất với tổng diện tích thu hồi là 169,81 ha.

Các công trình, dự án khác còn tiến độ thực hiện dự án và không quá 3 năm thực hiện thì tiếp tục thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa theo quy trình, thủ tục theo đúng quy định chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2023.

Bảng 2. Kết quả thực hiện công trình, dự án Kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Danh mục các công trình dự án	DT đã thực hiện năm 2022		Địa điểm
		DT đã thu hồi	DT đã giao	
1	Cơ sở làm việc Công an phường Đồng Văn		0,18	Đồng Văn
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Duy Hải		0,19	Duy Hải
3	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Hòa Mạc	0,20		Hòa Mạc
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Hoàng Đông	0,18		Hoàng Đông
5	Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	1,50		Yên Nam
6	Giao đất Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III- giai đoạn I+ II (Khu vực phía Tây đường cao tốc) (Diện tích còn lại)	5,01		Đồng Văn, Hoàng Đông, Tiên Nội
7	Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đồng Văn I, mở rộng nút giao Vực Vòng, tại xã Bạch Thượng và xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên	78,46	78,46	Bạch Thượng, Yên Bắc
8	Dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng – khu B	40,85		Bạch Thượng, Yên Bắc
9	Đầu tư xây dựng 05 tuyến đường trục chính thuộc quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực trung tâm đô thị Duy Tiên theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BT)	3,87		Yên Bắc
10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ đền bà Quận đến trường mầm non TDP Trại Quan Nha, phường Hòa Mạc	0,27		Hòa Mạc (Yên Bắc cũ)
11	DA đầu tư XD tuyến đường giao thông kết nối từ tuyến tránh QL38 đến cụm Công nghiệp Châu Giang	0,07	4,01	Châu Giang
12	Cụm cảng Yên Lệnh		1,85	Chuyên Ngoại, Trác Văn

STT	Danh mục các công trình dự án	DT đã thực hiện năm 2022		Địa điểm
		DT đã thu hồi	DT đã giao	
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối nút giao QL38B đến khu vực QH cảng Yên Lệnh Hà Nam		7,22	Trác Văn
14	DA Đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị KOSY Hà Nam (diện tích còn lại)	0,95	18,80	Duy Hải
15	Khu Nhà ở phía Đông Nam Đồng Văn thuộc quy hoạch phân khu XD tỷ lệ 1/2000 khu vực phía Đông thị trấn Đồng Văn, thị xã Duy Tiên	1,53	8,57	Đồng Văn
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở đô thị Quang Thành tại xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên	5,56	5,56	Yên Bắc
17	DA XD đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu thương mại và nhà ở đô thị tại xã Duy Minh và xã Duy Hải (giai đoạn 1)	5,41		Duy Minh, Duy Hải
18	DA ĐT XD Khu nhà đô thị thuộc QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Châu Giang và phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên	3,73	3,37	Châu Giang, Hòa Mạc
19	Dự án nhà ở xã hội		4,69	Đồng Văn
20	Khu nhà ở đô thị Văn Xá		12,91	Yên Bắc
21	Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị phía nam tổ dân phố Bùi, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT01.21)	6,61		Yên Bắc
22	DA ĐT HTKT khu đấu giá QSD đất vị trí 01; 02 tại xã Bạch Thượng	1,04		Bạch Thượng
23	Đầu tư xây dựng trụ sở ĐU-UBND-HĐND, NVH trung tâm xã và đường giao thông kết nối khu vực trung tâm hành chính xã Tiên Sơn	0,58		Tiên Sơn
24	Dự án Xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tại khu đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam	11,10	9,18	Hoàng Đông, Tiên Nội
25	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2 thuộc QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu Đô thị TM Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên		3,40	Hòa Mạc, Châu Giang (cũ)
26	Khu Nhà ở đô thị tại vị trí lô đất 1.3.DT10 theo QH chung đô thị Duy Tiên		0,44	Tiên Nội
27	Giao đất DA Đầu tư HTKT giai đoạn 1 thuộc QH chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị thương mại Hoà Mạc		0,06	Hòa Mạc
28	Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Ngũ Nội, phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên		1,15	Bạch Thượng
29	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư thôn Doãn, xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên	1,02	1,02	Tiên Ngoại

STT	Danh mục các công trình dự án	DT đã thực hiện năm 2022		Địa điểm
		DT đã thu hồi	DT đã giao	
30	Giao đất Trường Mầm Non (Khu ĐT mới Đồng Văn)		0,15	Đồng Văn
31	Giao đất Trường Mầm Non (Khu đô thị Đồng Văn Xanh)		0,58	Duy Minh, Duy Hải
32	Giao đất XD Trường tiểu học (Khu đô thị Đồng Văn Xanh)		0,64	Duy Minh, Duy Hải
33	Dự án Khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch Tuynel tại xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên		2,56	Mộc Bắc
34	Giao đất có thu tiền cho hộ gia đình phường Đồng Văn		0,01	Đồng Văn
35	Đấu giá QSD đất tại thị trấn Hòa Mạc (vị trí 1- điểm 3)		1,04	Hòa Mạc
36	Cửa hàng xăng dầu (Cty TNHH KDTM Nam Linh)	0,01	0,19	Châu Giang
37	Đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê	1,87		Hòa Mạc (Châu Giang cũ)

Cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

a. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 5.150,43 ha, diện tích thực hiện là 6.402,94 ha, đạt 124,32% kế hoạch; còn 1.252,51 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân do một số dự án, công trình cần thu hồi, chuyển mục đích đất nông nghiệp chưa thực hiện xong.

Trong đó:

- Đất trồng lúa theo kế hoạch được duyệt là 3.195,08 ha, diện tích thực hiện là 4.307,80 ha, đạt 134,83% kế hoạch; còn 1.112,72 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân: chủ yếu do một số dự án, công trình đang thực hiện công tác thu hồi, GPMB, chuyển mục đích đất trồng lúa.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước theo kế hoạch được duyệt là 3.083,31 ha, diện tích thực hiện là 4.195,12 ha, đạt 136,06% kế hoạch; còn 1.111,81 ha chưa thực hiện.

- Đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch được duyệt là 568,10 ha, kết quả thực hiện được 641,28 ha, đạt 112,88%, còn 73,18 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân: chủ yếu do một số dự án, công trình đang thực hiện công tác thu hồi, GPMB, giao đất.

- Đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch được duyệt là 332,44 ha, kết quả thực hiện được 355,24 ha, đạt 106,86%, còn 22,80 ha chưa thực hiện. Nguyên

nhân: chủ yếu do một số dự án, công trình đang thực hiện công tác thu hồi, GPMB, giao đất.

- Đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch được duyệt là 667,04 ha, kết quả thực hiện đến được 730,84 ha, đạt 109,56%, còn 63,80 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân: chủ yếu do một số dự án, công trình đang thực hiện công tác thu hồi, GPMB, giao đất.

- Đất nông nghiệp khác theo kế hoạch được duyệt là 387,77 ha; kết quả thực hiện là 367,78 ha, đạt 94,84%, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 19,99 ha.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2022 được duyệt là 6.876,32 ha, kết quả thực hiện là 5.622,86 ha, còn 1.253,46 ha chưa thực hiện, đạt 81,77% so với kế hoạch được duyệt, trong đó:

- *Đất quốc phòng*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 16,87 ha, kết quả thực hiện là 15,37 ha, đạt 91,11%, còn 1,50 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân do chưa thực hiện xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- *Đất an ninh*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 33,30 ha; kết quả thực hiện là 32,92 ha, đạt 98,86%, còn 0,38 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân do 2 dự án cơ sở làm việc công an phường Hoà Mạc và Hoàng Đông chưa thực hiện xong.

- *Đất khu công nghiệp*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 1.128,50 ha; kết quả thực hiện 1.046,12 ha, đạt 92,70%, còn 82,38 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân do dự án khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, mở rộng khu công nghiệp Đồng Văn I chưa thực hiện xong.

- *Đất cụm công nghiệp*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 191,59 ha; kết quả thực hiện 65,85 ha, đạt 34,37%, còn 125,74 ha chưa thực hiện. Nguyên nhân do chưa thực hiện 2 dự án Cụm công nghiệp Trác Văn và cụm công nghiệp Yên Lệnh.

- *Đất thương mại dịch vụ*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 40,91 ha; kết quả thực hiện 8,22 ha, đạt 20,09%, còn 32,69 ha chưa thực hiện.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 243,18 ha; kết quả thực hiện 191,46 ha, đạt 78,73%, còn 51,72 ha chưa thực hiện.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 83,20 ha; kết quả thực hiện là 74,60 ha, đạt 89,66%, còn 8,60

ha chưa thực hiện. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án khai thác đất sét làm gạch tại mỏ B.1 và mỏ B.2.3 bãi bồi sông Hồng, xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên.

- *Đất phát triển hạ tầng*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 2.663,28 ha; kết quả thực hiện là 2.206,34 ha, đạt 82,84%, còn 456,94 ha chưa thực hiện.

+ *Đất giao thông*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 1.740,64ha; kết quả thực hiện là 1.306,70 ha, đạt 75,07%, còn 433,95 ha chưa thực hiện.

+ *Đất thủy lợi*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 467,18 ha; kết quả thực hiện là 523,76 ha, đạt 112,11%, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 56,58 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tại biểu số 13/CH, diện tích đất thủy lợi sẽ giảm 60,83ha do thu hồi sử dụng vào các mục đích khác (đất ở đô thị 28,37ha, đất giao thông 8,29ha, đất cơ sở giáo dục và đào tạo 4,19ha....), tuy nhiên trong năm 2022 chưa thực hiện hết dẫn tới chỉ tiêu thực hiện cao hơn chỉ tiêu được phê duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ ở văn hóa*: theo kế hoạch được duyệt là 20,55 ha; kết quả thực hiện là 20,62 ha, đạt 100,34%, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,07 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tại biểu số 13/CH, diện tích đất cơ sở văn hoá sẽ giảm 0,07ha do thu hồi sử dụng vào mục đích đất cơ sở tín ngưỡng (đền thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh), tuy nhiên trong năm 2022 chưa thực hiện hết dẫn tới chỉ tiêu thực hiện cao hơn chỉ tiêu được phê duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: theo kế hoạch được duyệt là 8,75 ha; kết quả thực hiện là 8,35 ha, đạt 95,43%, còn 0,40 ha chưa thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: theo kế hoạch được duyệt là 206,31 ha; kết quả thực hiện là 143,39 ha, đạt 69,50%, còn 62,92 ha chưa thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: theo kế hoạch được duyệt là 31,91 ha; kết quả thực hiện là 21,05 ha, đạt 65,97%, còn 10,86 ha chưa thực hiện.

+ *Đất công trình năng lượng*: theo kế hoạch được duyệt là 8,44 ha; kết quả thực hiện là 6,86 ha, đạt 81,31%, còn 1,58 ha chưa thực hiện.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông*: theo kế hoạch được duyệt là 1,02 ha; kết quả thực hiện là 1,02 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: theo kế hoạch được duyệt là 2,86 ha; kết quả thực hiện là 2,86 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: theo kế hoạch được duyệt là 31,54 ha; kết quả thực hiện là 31,54 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: theo kế hoạch được duyệt là 137,48 ha; kết quả thực hiện là 133,59 ha, đạt 97,17%, còn 3,89 ha chưa thực hiện.

+ Đất chợ: theo kế hoạch được duyệt là 6,59 ha; kết quả thực hiện là 6,59 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất khu vui chơi giải trí công cộng*: theo kế hoạch được duyệt là 73,36 ha; kết quả thực hiện là 8,74 ha, đạt 11,91%, còn 64,63 ha chưa thực hiện.

- *Đất ở tại nông thôn*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 629,53 ha; kết quả thực hiện là 603,57 ha, đạt 95,88%, còn 25,96 ha chưa thực hiện.

- *Đất ở tại đô thị*: theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 là 1.149,74 ha; kết quả thực hiện 754,38 ha, đạt 65,61%, còn 395,36 ha chưa thực hiện.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: theo kế hoạch được duyệt là 18,62 ha; kết quả thực hiện là 16,45 ha, đạt 88,34%, còn 2,17 ha chưa thực hiện.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: theo kế hoạch được duyệt là 0,53 ha; kết quả thực hiện là 0,53 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng*: theo kế hoạch được duyệt là 19,50 ha; kết quả thực hiện là 18,90 ha, đạt 96,92%, còn 0,60 ha chưa thực hiện.

- *Đất sông ngòi, kênh rạch suối*: theo kế hoạch được duyệt là 451,84 ha; kết quả thực hiện là 451,55 ha, đạt 99,94%, còn 0,29 ha chưa thực hiện.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng*: theo kế hoạch được duyệt là 114,90 ha; kết quả thực hiện là 110,46 ha, đạt 96,14%, còn 4,44 ha chưa thực hiện.

=> Các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp chủ yếu thấp hơn so với kế hoạch được duyệt do việc thực hiện các công trình dự án đạt kết quả thấp.

Một số chỉ tiêu trong nhóm đất phi nông nghiệp kết quả thực hiện cao hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt do chưa chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác như: đất thủy lợi (kế hoạch chuyển 60,83 ha để thực hiện dự án), đất cơ sở văn hoá (kế hoạch chuyển 0,07 ha để thực hiện 01 dự án), đất có mặt nước chuyên dùng (kế hoạch chuyển 8,80 ha để thực hiện 07 dự án).

c. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 là 65,10 ha, theo kế hoạch được duyệt đến năm 2022 đặt ra là 66,05 ha. Như vậy, diện tích đất chưa sử dụng cao hơn kế hoạch được duyệt là 0,96 ha. Nguyên nhân do một số dự án chưa thực hiện xong.

Bảng 3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	Đất nông nghiệp	5.150,43	6.402,94	1.252,51	124,32
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	3.195,08	4.307,80	1.112,72	134,83
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>3.083,31</i>	<i>4.195,12</i>	<i>1.111,81</i>	<i>136,06</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	568,10	641,28	73,18	112,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	332,44	355,24	22,80	106,86
1.4	Đất rừng phòng hộ				
1.5	Đất rừng đặc dụng				
1.6	Đất rừng sản xuất				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	667,04	730,84	63,80	109,56
1.8	Đất làm muối	-			
1.9	Đất nông nghiệp khác	387,77	367,78	-19,99	94,84
2	Đất phi nông nghiệp	6.876,32	5.622,86	-1.253,46	81,77
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	16,87	15,37	-1,50	91,11
2.2	Đất an ninh	33,30	32,92	-0,38	98,86
2.3	Đất khu công nghiệp	1.128,50	1.046,12	-82,38	92,70
2.4	Đất cụm công nghiệp	191,59	65,85	-125,74	34,37
2.5	Đất thương mại dịch vụ	40,91	8,22	-32,69	20,09
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	243,18	191,46	-51,72	78,73
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-			
2.8	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	83,20	74,60	-8,60	89,66
2.9	Đất phát triển hạ tầng	2.663,28	2.206,34	-456,94	82,84
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	1.740,64	1.306,70	-433,95	75,07
-	Đất thủy lợi	467,18	523,76	56,58	112,11
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	20,55	20,62	0,07	100,34
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	8,75	8,35	-0,40	95,43
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	206,31	143,39	-62,92	69,50
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	31,91	21,05	-10,86	65,97
-	Đất công trình năng lượng	8,44	6,86	-1,58	81,31
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	1,02	1,02		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	-			

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	-			
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,86	2,86		100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	31,54	31,54		100,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	137,48	133,59	-3,89	97,17
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	-			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	-			
-	Đất chợ	6,59	6,59		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	-			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	-			
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	73,36	8,74	-64,63	11,91
2.13	Đất ở tại nông thôn	629,53	603,57	-25,96	95,88
2.14	Đất ở tại đô thị	1.149,74	754,38	-395,36	65,61
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,62	16,45	-2,17	88,34
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,53	0,53		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	19,50	18,90	-0,60	96,92
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	451,84	451,55	-0,29	99,94
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	114,90	110,46	-4,44	96,14
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	17,46	17,40	-0,06	99,66
3	Đất chưa sử dụng	65,10	66,05	0,96	101,47

2.1.3. Kết quả thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án

a. Nhóm đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa theo kế hoạch được duyệt là 1.074,72 ha, diện tích thực hiện là 146,20 ha, đạt 13,60% kế hoạch; còn 928,52 ha chưa thực hiện.

- Đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch được duyệt là 62,14 ha, diện tích thực hiện là 0,40 ha, đạt 0,64% kế hoạch; còn 61,74 ha chưa thực hiện.

- Đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch được duyệt là 22,66 ha, diện tích thực hiện là 0,70 ha, đạt 3,07% kế hoạch; còn 21,96 ha chưa thực hiện.

- Đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch được duyệt là 64,57 ha, diện tích thực hiện là 1,91 ha, đạt 2,96% kế hoạch; còn 62,66 ha chưa thực hiện.

- Đất nông nghiệp khác theo kế hoạch được duyệt là 0,01 ha, trong năm chưa thực hiện.

b. Nhóm đất phi nông nghiệp

- Đất phát triển hạ tầng theo kế hoạch được duyệt là 129,81 ha, diện tích thực hiện là 21,07 ha, đạt 16,23% kế hoạch; còn 108,74 ha chưa thực hiện.

- Đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch được duyệt là 1,00 ha, diện tích thực hiện là 0,73 ha, đạt 73,00% kế hoạch; còn 0,27 ha chưa thực hiện.

- Đất ở tại nông thôn theo kế hoạch được duyệt là 0,15 ha, trong năm chưa thực hiện.

- Đất ở tại đô thị theo kế hoạch được duyệt là 1,37 ha, diện tích thực hiện là 0,15 ha, đạt 10,99% kế hoạch; còn 1,22 ha chưa thực hiện.

- Đất sông ngòi kênh rạch theo kế hoạch được duyệt là 0,84 ha, trong năm chưa thực hiện.

- Đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch được duyệt là 6,84 ha, diện tích thực hiện là 0,40 ha, đạt 5,84% kế hoạch; còn 6,44 ha chưa thực hiện.

Bảng 4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	1.224,10	149,20	-1.074,90	12,19
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	1.074,72	146,20	-928,52	13,60
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.073,81</i>	<i>146,04</i>	<i>-927,77</i>	<i>13,60</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	62,14	0,40	-61,74	0,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	22,66	0,70	-21,96	3,07
1.4	Đất rừng phòng hộ				
1.5	Đất rừng đặc dụng				
1.6	Đất rừng sản xuất				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	64,57	1,91	-62,66	2,96
1.8	Đất làm muối				
1.9	Đất nông nghiệp khác	0,01		-0,01	
2	Đất phi nông nghiệp	139,00	21,64	-117,36	15,57
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng				
2.2	Đất an ninh				
2.3	Đất khu công nghiệp				
2.4	Đất cụm công nghiệp				
2.5	Đất thương mại dịch vụ				
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				
2.8	Đất sx vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		0,02	0,02	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	129,81	21,07	-108,74	16,23
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	66,99	10,29	-56,70	15,36
-	Đất thủy lợi	60,83	6,59	-54,24	10,83
-	Đất xây dựng cơ ở văn hóa	0,07	0,05	-0,02	71,43
-	Đất xây dựng cơ sở y tế		0,08	0,08	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo		0,04	0,04	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		1,38	1,38	
-	Đất công trình năng lượng	0,02	0,02		100,00
-	Đất công trình bưu chính viễn thông				
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải				
-	Đất cơ sở tôn giáo				
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, NHT	1,90	2,62	0,72	138,02
-	Đất xd cơ sở khoa học công nghệ				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội				
-	Đất chợ				
2.10	Đất danh lam thắng cảnh				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng				
2.13	Đất ở tại nông thôn	0,15		-0,15	
2.14	Đất ở tại đô thị	1,37	0,15	-1,22	10,99
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan				
2.16	Đất xd trụ sở của tổ chức sự nghiệp				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,84		-0,84	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	6,84	0,40	-6,44	5,84
2.21	Đất phi nông nghiệp khác				

2.1.4. Kết quả thực hiện chuyển mục đích đất

a. Nhóm đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa theo kế hoạch được duyệt là 1.236,04 ha, diện tích thực hiện là 123,32 ha, đạt 9,98% kế hoạch; còn 1.112,72 ha chưa thực hiện.

- Đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch được duyệt là 55,19 ha, diện tích thực hiện là 2,01 ha, đạt 3,64% kế hoạch; còn 53,18 ha chưa thực hiện.

- Đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch được duyệt là 23,36 ha, diện tích thực hiện là 0,56 ha, đạt 2,38% kế hoạch; còn 22,80 ha chưa thực hiện.

- Đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch được duyệt là 65,62 ha, diện tích thực hiện là 1,82 ha, đạt 2,77% kế hoạch; còn 63,80 ha chưa thực hiện.

- Đất nông nghiệp khác theo kế hoạch được duyệt là 0,01 ha, kết quả trong năm chưa thực hiện.

b. Nhóm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Theo kế hoạch được duyệt là 79,74 ha, diện tích thực hiện là 2,16 ha, đạt 2,71% kế hoạch; còn 77,58 ha chưa thực hiện.

Bảng 5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích chuyển mục đích được duyệt	Kết quả thực hiện		
			Diện tích (ha)	So sánh	
				Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100%
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1.380,21	127,70	-1.252,51	9,25
1.1	Đất trồng lúa	1.236,04	123,32	-1.112,72	9,98
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.235,13</i>	<i>123,32</i>	<i>-1.111,82</i>	<i>9,98</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	55,19	2,01	-53,18	3,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	23,36	0,56	-22,80	2,38
1.4	Đất rừng phòng hộ				
1.5	Đất rừng đặc dụng				
1.6	Đất rừng sản xuất				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	65,62	1,82	-63,80	2,77
1.8	Đất làm muối				
1.9	Đất nông nghiệp khác	0,01		-0,01	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp				
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	79,74	2,16	-77,58	2,71

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã đã theo sát Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, đạt được những kết quả nhất

định. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ thị xã tới các xã, phường. Đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội của thị xã.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số tồn tại như: Một số dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được duyệt nhưng chậm triển khai, chưa thực hiện được do gặp vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, thời gian hoàn thiện thủ tục theo quy định của pháp luật kéo dài nên chưa đạt được theo kế hoạch.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

a) Nguyên nhân khách quan

Luật đất đai 2013 có hiệu lực từ ngày 1/7/2014 với những đổi mới quan trọng về chính sách đất đai, trong đó có các nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá đất ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện đầu tư dự án.

Về nguồn vốn: Chưa đáp ứng được so với dự toán. Nhiều công trình rất cần thiết nhưng do nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế hoặc bị động về nguồn vốn nên sau khi công bố triển khai kế hoạch đã phải dừng lại, nhất là các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật;

Các chỉ tiêu sử dụng đất để xây dựng, mở rộng, chỉnh trang phát triển đô thị cao nhưng thực hiện chưa hết diện tích, do suy thoái kinh tế, thị trường bất động sản những năm qua trầm lắng....

Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội những năm qua gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện kế hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn. Ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, phải thực hiện chỉ thị giãn cách xã hội của Thủ tướng Chính phủ nên nhiều dự án bị chậm tiến độ;

b) Nguyên nhân chủ quan

Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất chưa bám sát được khả năng về nguồn vốn đầu tư thực hiện các dự án;

Một số dự án mới có chủ trương đầu tư, chưa có quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất dẫn đến thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư chậm so với kế hoạch sử dụng đất.

Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách thị xã: hiện nay các dự án chủ yếu gặp khó khăn trong khâu cưỡng chế thu hồi đất; giá đất và giải phóng mặt bằng (nhiều hộ người dân không đồng tình kê khai, kiểm đếm).

Kế hoạch sử dụng đất của thị xã được lập cho một năm nên chỉ phản ánh được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và của các xã, phường trong năm kế hoạch; không đảm bảo được tính khả thi của các dự án đăng ký thực hiện do không thể chủ động nắm bắt được khả năng về vốn của chủ đầu tư, đặc biệt là những dự án có nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước. Nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện nhưng do không có vốn hoặc chậm làm thủ tục nên phải chuyển sang thực hiện năm sau.

Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư còn chậm; khó khăn cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của các nhà đầu tư do nhiều địa phương chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp lần đầu hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền, đổi thửa...

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Các công trình cấp tỉnh trên địa bàn của thị xã Duy Tiên trong năm 2023 như sau:

- Đất an ninh gồm các công trình: Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Hòa Mạc 0,20 ha; Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Hoàng Đông 0,18 ha.

- Đất quốc phòng gồm công trình: Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam 1,50 ha.

- Đất khu công nghiệp gồm các công trình:

+ Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đồng Văn I, mở rộng nút giao Vực Vòng, tại xã Bạch Thượng và xã Yên Bắc 21,54 ha.

+ Dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng phía Đông Bắc nút giao Vực Vòng – khu B 49,06 ha.

+ Khu công nghiệp Đồng Văn III phía Đông đường cao tốc 223,0 ha.

+ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN hỗ trợ Đồng Văn III tỉnh Hà Nam (giai đoạn I + giai đoạn II) 19,43 ha.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực chưa thực hiện năm 2022 phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Duy Tiên một số hạng mục công trình chưa thực hiện được trong năm 2022, sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023, bao gồm 85 dự án, diện tích 1.200,28 ha.

Bảng 6. Danh mục công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
*	Đất giao thông		
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối quốc lộ 38 (khu quy hoạch trung tâm hành chính thị xã Duy Tiên) đến đê sông Hồng địa bàn thị xã Duy Tiên	38,80	Châu Giang, Mộc Bắc
2	Cụm cảng Yên Lệnh	21,17	Chuyên Ngoại
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối nút giao QL38B đến khu vực QH cảng Yên Lệnh Hà Nam	0,58	Trác Văn
*	Đất công trình năng lượng		
4	Đường dây và TBA 110kV Tiên Hiệp, tỉnh Hà Nam	1,06	Yên Bắc, Yên Nam, Tiên Ngoại, Tiên Sơn
5	Đường dây 110kV cấp điện TBA 110kV Seoul Semiconductor Vina, tỉnh Hà Nam	0,14	Yên Bắc, Bạch Thượng
6	Xây dựng đường dây 22kV để cấp điện Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng - thị xã Duy Tiên	0,10	Bạch Thượng, Yên Bắc
7	Dự án mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Hà Nam thuộc dự án: Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 vay vốn của cơ qua hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)	0,20	Thị xã Duy Tiên
8	Dự án chống quá tải, nâng cao chất lượng điện áp, giảm tổn thất điện năng cho lưới điện thị xã Duy Tiên - tỉnh Hà Nam - năm 2021	0,10	Thị xã Duy Tiên
9	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, phường thuộc thị xã Duy Tiên - tỉnh Hà Nam - năm 2021	0,10	Hòa Mạc, Duy Minh, Hoàng Đông, Bạch Thượng, Châu Giang, Duy Hải, Chuyên Ngoại
*	Đất cơ sở y tế		
10	Xây dựng trạm y tế phường Đồng Văn	0,10	Đồng Văn
*	Đất nghĩa trang, nghĩa địa		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
11	Xây dựng mở rộng nghĩa trang TDP Giáp Nhất (phục vụ GPMB dự án KCN Đồng Văn I mở rộng)	3,00	Bạch Thượng
*	Đất cụm công nghiệp		
12	Cụm công nghiệp Yên Lệnh	69,09	Chuyên Ngoại, Trác Văn
13	Cụm công nghiệp Trác Văn	56,65	Chuyên Ngoại, Trác Văn
*	Đất ở tại đô thị		
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở đô thị Quang Thành tại xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên	2,91	Yên Bắc
15	Dự án ĐTXD Khu nhà đô thị thuộc QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Châu Giang và phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên	8,58	Châu Giang, Hòa Mạc
16	Dự án ĐTXD Khu đô thị mới thuộc địa bàn phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên	48,38	Duy Minh, Duy Hải
17	Dự án Khu nhà ở đô thị thuộc địa bàn phường Hoàng Đông, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT07.21)	16,05	Hoàng Đông, Tiên Nội
18	Dự án ĐTXD Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị phía nam tổ dân phố Bùi, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT01.21)	18,58	Yên Bắc
19	Dự án hoàn trả dự án ĐT XD 5 tuyến đường trục chính thuộc QH phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KV trung tâm đô thị Duy Tiên theo hình thức đối tác công tư PPP (Dự án đầu tư xây dựng HTKT khu nhà ở đô thị trung tâm Duy Tiên)	49,65	Hòa Mạc; Yên Bắc
43	Khu nhà ở xã hội, kết hợp chỉnh trang đô thị khu vực tổ dân phố Bạch Xá, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-NOXH01.21)	9,00	Hoàng Đông
44	Dự án Đầu tư xây dựng khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang đô thị tổ dân phố Hoàng Lý, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT16.22)	9,16	Hoàng Đông
45	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông cụm công trình phòng cháy chữa cháy tại phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT13.21)	12,74	Hoàng Đông
46	Dự án Khu đô thị kết hợp nhà ở xã hội và chỉnh trang đô thị thuộc các phường Duy Minh, Đồng Văn, Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT05.21)	32,30	Duy Minh, Đồng Văn, Hoàng Đông
47	Dự án ĐTXD Khu nhà ở đô thị tại phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT.08.21)	15,00	Tiên Nội

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
48	Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu đô thị khu vực Tây Nam TDP Đồng Văn (DT-DDT02.21)	4,07	Đồng Văn
49	Khu nhà ở đô thị tại phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT09.21)	51,50	Hoàng Đông
50	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị TDP Hoàng Lý, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT03.21)	9,65	Hoàng Đông
51	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị kết hợp chỉnh trang khu dân cư phía Nam Tổ dân phố Hoàng Lý, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên(DT-ĐT04.21)	19,00	Hoàng Đông
52	Dự án ĐTXD khu đô thị mới (DT-ĐT11.21) thuộc phạm vi Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực phía Tây Nam cầu Yên Lệnh	48,50	Chuyên Ngoại, Mộc Nam; Châu Giang
53	Dự án Khu đô thị phía Nam Trung tâm hành chính thị xã Duy Tiên (DT-PK.01.21.1)	115,10	Yên Bắc
54	Dự án Khu đô thị mới kết hợp chỉnh trang dân cư hiện trạng khu vực phía Nam tổ dân phố Đôn Lương thuộc phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-PK.01.21.3)	30,00	Yên Bắc
55	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư tổ dân phố Hòa Trung, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT14.22)	11,24	Tiên Nội
56	Dự án khu nhà ở đô thị kết hợp chỉnh trang khu dân cư tổ dân phố Đông Hải, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT15.22)	5,52	Duy Hải
57	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư tổ dân phố Vũ Xá thuộc phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT18.22)	13,50	Yên Bắc
58	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông Nam đường QL.1A đoạn tránh thành phố Phủ Lý thuộc địa bàn các phường Duy Minh, Duy Hải (DT-ĐT10.21)	25,20	Duy Minh, Duy Hải
59	Dự án khu đô thị mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư tại phường Duy Minh và phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT22.22)	22,50	Duy Minh, Duy Hải
60	Khu đô thị mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư phía Đông Nam tổ dân phố Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT21.22)	42,70	Yên Bắc, Hòa Mạc
61	Dự án ĐTXD Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên	126,77	Hoàng Đông, Tiên Nội, Tiên Ngoại

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
62	Dự án ĐTXD Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thành phố Phủ Lý	39,32	Tiên Nội, Tiên Ngoại
63	Đầu tư xây dựng HTKT kết hợp chỉnh trang đô thị TDP Ngô Tân, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên	1,00	Tiên Nội
64	Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Yên Bắc và phường Hoà Mạc	1,35	Yên Bắc, Hoà Mạc
65	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị Tổ dân phố Phúc Thành và Tổ dân phố Vân Kênh, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT25.22)	5,30	Châu Giang
66	Đầu tư xây dựng khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Bạch Thượng, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT29.22)	15,60	Yên Bắc, Bạch Thượng
67	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang đô thị tổ dân phố Lũng Xuyên, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên	6,00	Yên Bắc
68	Đầu tư xây dựng khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang đô thị tổ dân phố Đôn Lương, phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT31.22)	8,72	Yên Bắc
69	Đầu tư xây dựng khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Bạch Thượng thị xã Duy Tiên (DT-ĐT28.22)	23,50	Bạch Thượng
70	Đầu tư xây dựng khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT30.22)	10,85	Yên Bắc
71	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư thuộc phường Yên Bắc, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT17.22)	36,00	Yên Bắc, Tiên Nội
*	Đất trụ sở, cơ quan		
72	Dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên-Lý Nhân	0,57	Yên Bắc
2.2	Công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất		
*	Đất thương mại, dịch vụ		
73	Dự án xây dựng Trung tâm kinh doanh các sản phẩm từ gỗ, showroom ô tô, khách sạn và văn phòng cho thuê	2,20	Hòa Mạc
74	Dự án Khu dịch vụ thương mại	1,22	Châu Giang
75	Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại Duy Tiên tại phường Tiên Nội	0,48	Tiên Nội
76	Dự án đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ tổng hợp tại phường Tiên Nội	1,39	Tiên Nội

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
77	Dự án Trung tâm thương mại	1,50	Mộc Nam, Châu Giang
78	Dự án showroom kinh doanh nội thất cao cấp	1,19	Mộc Nam
79	Dự án Khu dịch vụ thương mại 68 Vực Vòng	0,86	Đồng Văn
*	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
80	Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê tại phường Châu Giang, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên (thuộc lô 01-CN1, thuộc Quy hoạch phân khu phường Châu Giang, lô 05-CL15 và một phần lô 05-CN8, thuộc Quy hoạch phân khu phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên)	5,98	Châu Giang; Hòa Mạc
81	Nhà máy sản xuất các sản phẩm sau kính và xây dựng nhà xưởng cho thuê tại phường Hòa Mạc và xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên	17,83	Chuyên Ngoại, Hòa Mạc (Châu Giang cũ)
82	Dự án nhà máy gia công, lắp ráp nhựa xuất khẩu Sapali	4,62	Hoàng Đông
83	Dự án nhà xưởng và kho bãi cho thuê	5,76	Hoàng Đông
84	Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê	9,96	Hòa Mạc (Châu Giang cũ)
85	Dự án xây dựng nhà xưởng cho thuê	4,69	Hòa Mạc (Châu Giang cũ)
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		
*	Đất giao thông		
86	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 68m (đoạn từ Km2+420-Km3+600)	7,48	Tiên Nội
87	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ QL38 đến khu Đại học Nam Cao (đoạn Km1+200-Km2+420, đường 68m)	8,90	Hoàng Đông, Đồng Văn
88	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ tuyến tránh QL38 đến cụm Công nghiệp Châu Giang	0,19	Châu Giang
*	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo		
89	Dự án xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tại khu đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam	2,74	Hoàng Đông, Tiên Nội
*	Đất sản xuất vật liệu xây dựng		
90	Công trình khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch Tuynel tại xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên	8,60	Mộc Bắc
91	Đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ sét làm gạch ngói tại bãi bồi sông Hồng xã Mộc Bắc	15,79	Mộc Bắc
*	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
92	Điều chỉnh, mở rộng dự án nhà máy gia công các sản phẩm nhôm kính	2,88	Hòa Mạc
*	Đất cơ sở Tín ngưỡng		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
93	Đền thờ thánh mẫu Liễu Hạnh	0,07	Yên Bắc
*	Đất trụ sở, cơ quan		
94	Đầu tư xây dựng trụ sở ĐU-UBND-HĐND, nhà văn hoá trung tâm xã và đường giao thông kết nối khu vực trung tâm hành chính xã Tiên Sơn	1,60	Tiên Sơn
*	Đất ở tại đô thị		
95	Giao đất dự án đầu tư xây dựng thiết chế công đoàn tại KCN Đồng Văn II, tỉnh Hà Nam	2,19	Đồng Văn
96	Đấu giá các lô đất còn lại (01 lô)	0,01	Bạch Thượng
97	Đấu giá các lô đất còn lại (07 lô)	0,08	Châu Giang
98	Đấu giá các lô đất còn lại (03 lô)	0,04	Hòa Mạc
99	Đấu giá các lô đất còn lại (05 lô)	0,06	Đồng Văn
100	Đấu giá quyền sử dụng đất còn lại (02 lô)	0,03	Tiên Nội
101	Giao đất thuộc dự án cho cán bộ, viên chức trường Đại học Xây dựng Hà Nội	0,51	Hoàng Đông
102	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất đối với phần diện tích còn lại tại các khu đất hỗ trợ 7% thuộc địa bàn Tiên Nội - Vị trí 1, TDP Kim Hòa (giai đoạn 2)	0,70	Tiên Nội
103	Xây dựng HTKT phục vụ đấu giá QSD đất đối với phần diện tích còn lại tại các khu đất hỗ trợ 7% thuộc địa bàn Tiên Nội - Vị trí 2,3 TDP Ngõ Tân (giai đoạn 2)	1,24	Tiên Nội
104	Đấu giá đất Dự án Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Ngũ Nội, phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên	1,15	Bạch Thượng
*	Đất ở tại nông thôn		
105	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Chuyên Ngoại (giai đoạn 1)	1,26	Chuyên Ngoại
106	Giao đất dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Mộc Bắc (Diện tích còn lại)	0,16	Mộc Bắc
107	Đấu giá các lô đất xen kẹp còn lại (02 lô)	0,02	Tiên Ngoại
108	Đấu giá các lô đất còn lại (02 lô)	0,02	Mộc Nam

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình trong năm 2023

Tổng số nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, ngành đơn vị đăng ký mới trong năm 2023 là 39 dự án với diện tích là 665,71 ha. Cụ thể như sau:

Bảng 7. Danh mục công trình, dự án đăng ký mới năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		
*	Đất giao thông		
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Trần Khánh Dư, đoạn qua địa phận Tổ dân phố Tứ Giáp, phường Duy Hải, thị xã Duy Tiên	0,14	Duy Hải
2	Xây dựng tuyến đường phía Đông Bắc TDP Đồng Văn, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên	0,83	Đồng Văn
3	Đầu tư xây dựng các tuyến đường và san nền lô đất 01-CQ01 thuộc Quy hoạch phân khu 1/2000 phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.	4,23	Yên Bắc
4	Xây dựng các tuyến đường khu vực điểm trường mới trường mầm non, tiểu học, THCS phường Bạch Thượng và tuyến đường tổ dân phố Ngũ Nội, tổ dân phố Giáp Nhất, phường Bạch Thượng	0,35	Bạch Thượng
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường D12 nối tuyến đường N11 đến đường N9 thuộc quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên	1,90	Hoàng Đông
6	Xây dựng hoàn thiện tuyến đường 42m từ nút 60 đến nút 77 và tuyến đường 28m từ nút 77 đến nút 76 thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phía đông phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên	0,38	Đồng Văn
7	Đầu tư tuyến đường kết nối QL38B đến đường Đào Văn Tập địa bàn thị xã Duy Tiên	12,95	Trác Văn
*	Đất thủy lợi		
8	Xây dựng bổ sung công trình phục vụ phòng chống lụt bão, kết hợp giao thông đê hữu Hồng khu vực thượng lưu công âu tác Giang tỉnh Hà Nam	2,80	Chuyên Ngoại
9	Dự án nâng cấp, cải tạo kênh A4-8 đoạn từ cầu vượt Đồng Văn với Quốc lộ 1A đến Trạm bơm Hoàn Uyển, kênh A4-6, kênh A4-8-29 đảm bảo tiêu thoát nước cho KCN Đồng Văn I và KCN Đồng Văn II, khu dân cư và phục vụ sản xuất nông nghiệp địa bàn thị xã Duy Tiên tỉnh Hà Nam	2,88	Bạch Thượng, Duy Minh, Yên Bắc
*	Đất công trình năng lượng		

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
10	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, phường thuộc thị xã Duy Tiên -tỉnh Hà Nam -năm 2022	0,03	Châu Giang, Duy Hải, Hòa Mạc, Hoàng Đông, Bạch Thượng, Chuyên Ngoại, Mộc Nam, Yên Nam
11	Công trình Nhà trực vận hành đội quản lý tổng hợp Yên Bắc	0,02	Châu Giang
12	Công trình Nhà trực vận hành đội quản lý tổng hợp Đội Sơn	0,03	Yên Nam
13	Công trình Nhà trực vận hành đội quản lý tổng hợp Mộc Nam	0,02	Chuyên Ngoại
*	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo		
14	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và một số hạng mục phục trợ trường mầm non phường Yên Bắc - Điểm trường Vũ Xá	0,22	Yên Bắc
15	Đầu tư xây dựng điểm trường mới Trường trung học cơ sở phường Bạch Thượng, thị xã Duy Tiên phục vụ con em công nhân Khu công nghiệp trên địa bàn thị xã Duy Tiên	0,51	Bạch Thượng
*	Đất ở tại đô thị		
16	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đông Đồng Văn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT20.22)	37,78	Đồng Văn
17	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư thuộc phường Châu Giang và phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT27.22)	9,68	Châu Giang, Hoà Mạc
18	Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư tổ dân phố Chuông, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT19-22)	27,50	Duy Minh, Hoàng Đông
19	Xây dựng HTKT Khu đấu giá quyền sử dụng đất thuộc địa bàn tổ dân phố Du Long, phường Châu Giang, thị xã Duy Tiên (giai đoạn 2)	0,80	Châu Giang
20	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Hiệp thuộc địa bàn xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên và xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý (DT-ĐT28.22)	39,21	Tiên Ngoại, Tiên Sơn
21	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Sơn thuộc địa bàn xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT29.22)	240,33	Tiên Ngoại, Tiên Sơn
22	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Ngoại thuộc địa bàn phường Tiên Nội, xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên (DT-ĐT30.22)	267,32	Tiên Nội, Tiên Ngoại, Tiên Sơn
23	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội thuộc QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại và nhà ở đô thị tại phường Duy Minh và phường Duy Hải	4,68	Duy Minh, Duy Hải

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
2.2	Công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất		
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		
*	Cho thuê đất trong khu công nghiệp		
24	Mở rộng nhà máy nước số 2	0,15	Đồng Văn
25	Dự án dịch vụ thương mại và nhà ở văn phòng cho công nhân, chuyên gia	0,15	Đồng Văn
26	Dự án dịch vụ thương mại và nhà ở văn phòng cho công nhân, chuyên gia	0,10	Bạch Thượng
*	Đất ở tại đô thị		
27	Đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí 01 TDP Kim Hoà, phường Tiên Nội (giai đoạn 1) thuộc QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất hỗ trợ 7% và TĐC phục vụ GPMB dự án khu đô thị đại học Nam Cao; đấu giá QSDĐ ở (phần diện tích còn lại thuộc dự án xây dựng hạ tầng khu TĐC phường Tiên Nội phục vụ GPMB đường Lê Công Thanh - GĐ3)	1,17	Tiên Nội
28	Đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí 02+03 TDP Ngô Tân (giai đoạn 1) thuộc QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đất hỗ trợ 7% và TĐC phục vụ GPMB dự án khu đô thị đại học Nam Cao	1,46	Tiên Nội
29	Đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí 1 - điểm 3 tổ dân phố số 1 phường Hoà Mạc	1,03	Hoà Mạc
30	Đấu giá quyền sử dụng đất (giai đoạn II) tại phường Duy Hải (đợt 1)	1,54	Duy Hải
31	Đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí 2 phường Bạch Thượng	0,73	Bạch Thượng
*	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở		
32	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại phường Đồng Văn	0,67	Đồng Văn
33	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại xã Yên Nam	0,22	Yên Nam
34	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại xã Tiên Sơn	0,08	Tiên Sơn
35	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại xã Trác Văn	0,11	Trác Văn
36	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại phường Hoàng Đông	0,15	Hoàng Đông
37	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại phường Bạch Thượng	1,56	Bạch Thượng
38	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại phường Tiên Nội	0,08	Tiên Nội
39	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại phường Yên Bắc	1,92	Yên Bắc

3.3. Tổng hợp cân đối nhu cầu sử dụng đất

3.3.1. Đất nông nghiệp

Đến cuối năm 2023, đất nông nghiệp có diện tích 4.729,49 ha, chiếm 39,11% tổng diện tích tự nhiên, giảm 1.672,59 ha so với năm hiện trạng.

Bảng 8. Phân bố diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã, phường

TT	Xã, phường	Đất nông nghiệp (ha)	TT	Xã, phường	Đất nông nghiệp (ha)
1	Bạch Thượng	113,07	9	Yên Bắc	127,82
2	Châu Giang	786,88	10	Chuyên Ngoại	431,16
3	Đông Văn	39,89	11	Mộc Bắc	556,80
4	Duy Hải	248,80	12	Mộc Nam	315,75
5	Duy Minh	97,37	13	Tiên Ngoại	211,51
6	Hoà Mạc	140,79	14	Tiên Sơn	683,16
7	Hoàng Đông	41,03	15	Trác Văn	259,37
8	Tiên Nội	209,40	16	Yên Nam	466,67
				Tổng	4.729,49

Cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích đến năm 2023 là 2.764,02 ha, giảm 1.542,92 ha so với hiện trạng năm 2022. Cụ thể như sau:

- + Chuyển sang đất an ninh 0,36 ha;
- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 270,07 ha;
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 104,75 ha;
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 38,42 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 44,33 ha;

+ Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 516,40 ha. Trong đó: đất giao thông 421,39 ha; đất thủy lợi 4,19 ha; đất cơ sở văn hóa 3,38 ha; đất cơ sở y tế 1,05 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 68,27 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 13,40 ha; đất công trình năng lượng 1,49 ha; đất bãi thải, xử lý rác thải 0,05 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 3,18 ha.

- + Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 237,43 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 124,07 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 199,30 ha;
- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,25 ha;
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 5,53 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích đến năm 2023 là 597,58 ha, thực giảm 43,69 ha so với hiện trạng năm 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,23 ha;
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 2,70 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,80 ha;
- + Chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 8,43 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 20,12 ha. Trong đó: đất giao thông 19,58 ha; đất thủy lợi 0,23 ha; đất công trình năng lượng 0,31 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,94 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,13 ha;
- + Chuyển sang đất ở đô thị 7,34 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2023 là 338,44 ha, giảm 16,80 ha so với năm hiện trạng do chuyển sang các loại sau:

- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,02 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 7,91 ha. Trong đó: đất giao thông 4,48 ha; đất thủy lợi 0,39 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 3,04 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 1,64 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,63 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 5,52 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: đến năm 2023 có diện tích là 668,12 ha, giảm 62,72 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 1,29 ha;
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 5,66 ha;
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 1,73 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,49 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 20,56 ha. Trong đó: đất giao thông 19,87 ha; đất cơ sở văn hoá 0,11 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,58 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 6,83 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 4,81 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 20,42 ha;
- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,05 ha;
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,88 ha.

- Đất nông nghiệp khác: đến năm 2023 có diện tích là 361,32 ha, giảm 6,46 ha so với năm hiện trạng do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 3,00 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 3,46 ha.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Đến năm 2023, với mục tiêu phát triển kinh tế của thị xã theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - dịch vụ thì việc đầu tư, hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng cơ sở đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ, đáp ứng đủ (nhu cầu sử dụng) cho các ngành trong từng thời kỳ cụ thể. Để đáp ứng các nhu cầu đó, diện tích đất dành cho mục đích phi nông nghiệp cần bố trí như sau:

- Đất an ninh tăng 0,38 ha;
- Đất khu công nghiệp 313,03 ha;
- Đất cụm công nghiệp 125,74 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ tăng 45,00 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 51,72 ha;
- Đất phát triển hạ tầng tăng 574,39 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 292,05 ha;
- Đất ở tại nông thôn tăng 161,44 ha;
- Đất ở tại đô thị tăng 307,37 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 2,50 ha.

Bảng 9. Phân bổ diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã, phường

TT	Xã, phường	Đất phi nông nghiệp (ha)	TT	Xã, phường	Đất phi nông nghiệp (ha)
1	Bạch Thượng	510,86	9	Yên Bắc	577,18
2	Châu Giang	493,82	10	Chuyên Ngoại	450,66
3	Đồng Văn	518,76	11	Mộc Bắc	435,84
4	Duy Hải	301,38	12	Mộc Nam	231,16
5	Duy Minh	469,44	13	Tiên Ngoại	538,81
6	Hoà Mạc	426,32	14	Tiên Sơn	516,96
7	Hoàng Đông	592,30	15	Trác Văn	424,11
8	Tiên Nội	471,77	16	Yên Nam	338,43
				Tổng	7.297,79

❖ *Đất quốc phòng*

Đến năm 2023, diện tích đất quốc phòng của thị xã là 16,87 ha, chiếm 0,23% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1,50 ha so so với hiện trạng năm 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,23 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,02 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 0,02 ha. Trong đó: đất giao thông 0,01 ha; đất nghĩa trang nghĩa địa 0,01 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,03 ha;
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng 1,19 ha.

❖ *Đất an ninh*

Đến năm 2023, diện tích đất an ninh của thị xã là 33,30 ha, chiếm 0,46% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,38 ha so với năm hiện trạng do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 0,36 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 0,02 ha. Trong đó: đất giao thông 0,01 ha; đất thủy lợi 0,01 ha.

❖ *Đất khu công nghiệp*

Đến năm 2023, diện tích đất cụm công nghiệp của thị xã là 1.359,15 ha, chiếm 18,62% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 313,03 ha so với năm hiện trạng năm 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 270,07 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 1,29 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 40,66 ha. Trong đó: đất giao thông 20,10 ha; đất thủy lợi 17,96 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,77 ha; đất công trình năng lượng 0,01 ha; đất bãi thải xử lý rác thải 0,11 ha; đất làm nghĩa trang nghĩa địa 1,71 ha.
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 0,52 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,49 ha.

❖ *Đất cụm công nghiệp*

Đến năm 2023, diện tích đất cụm công nghiệp của thị xã là 191,59 ha, chiếm 2,63% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 125,74 ha so với năm hiện trạng năm 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 104,75 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,70 ha;

- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 5,66 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 12,35 ha. Trong đó: đất giao thông 5,83 ha; đất thủy lợi 5,64 ha; đất làm nghĩa trang nghĩa địa 0,88 ha.
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,28 ha.

❖ *Đất thương mại, dịch vụ*

Đến năm 2023, diện tích đất thương mại dịch vụ của thị xã là 54,08 ha, chiếm 0,74% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 45,00 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 38,42 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 1,73 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 4,63 ha. Trong đó: đất giao thông 1,88 ha; đất thủy lợi 2,36 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,13 ha; đất làm nghĩa trang nghĩa địa 0,26 ha.
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 0,04 ha.

❖ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của thị xã là 243,18 ha, chiếm 3,33% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 51,72 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 44,33 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,80 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,49 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 4,10 ha. Trong đó: đất giao thông 2,24 ha; đất thủy lợi 1,72 ha; đất làm nghĩa trang nghĩa địa 0,14 ha.

❖ *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*

Đến năm 2023, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của thị xã là 83,20 ha chiếm 1,14% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 8,60 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 8,43 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng (đất giao thông) 0,17 ha.

❖ *Đất phát triển hạ tầng*

Đến năm 2023, diện tích đất phát triển hạ tầng của thị xã là 2.578,78 ha, chiếm 35,34% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 372,44 ha so với năm hiện trạng 2022.

Bảng 10. Phân bố diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn xã, phường

TT	Xã, phường	Đất phát triển hạ tầng (ha)	TT	Xã, phường	Đất phát triển hạ tầng (ha)
1	Bạch Thượng	96,42	9	Yên Bắc	244,69
2	Châu Giang	254,09	10	Chuyên Ngoại	142,91
3	Đồng Văn	128,14	11	Mộc Bắc	111,37
4	Duy Hải	123,41	12	Mộc Nam	104,49
5	Duy Minh	90,36	13	Tiên Ngoại	248,14
6	Hoà Mạc	128,30	14	Tiên Sơn	207,86
7	Hoàng Đông	222,80	15	Trác Văn	108,04
8	Tiên Nội	237,54	16	Yên Nam	129,46
				Tổng	2.578,02

Cụ thể các loại đất như sau:

➤ Đất giao thông:

Đến năm 2023, diện tích đất giao thông của thị xã là 1.715,22 ha, chiếm 66,51% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 408,52 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể:

Chu chuyển giảm 109,31 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,01 ha;
- + Chuyển sang đất an ninh 0,01 ha;
- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 20,10 ha;
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 5,83 ha;
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 1,88 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,24 ha;
- + Chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm 0,17 ha;
- + Chuyển sang đất thủy lợi 0,84 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở y tế 0,01 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở giáo dục đào tạo 5,99 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở thể dục thể thao 1,50 ha;
- + Chuyển sang đất nghĩa trang nghĩa địa 0,50 ha;
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 19,44 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 13,82 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 36,65 ha;
- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,12 ha;
- + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 0,20 ha.

Chu chuyển tăng 517,83 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 421,39 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 19,58 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 4,48 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 19,87 ha;
- + Chuyển từ đất thủy lợi 39,57 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,40 ha;
- + Chuyển từ đất công trình năng lượng 0,03 ha;
- + Chuyển từ đất công trình bưu chính viễn thông 0,05 ha;
- + Chuyển từ đất nghĩa trang nghĩa địa 4,27 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 3,07 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 1,19 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp 0,05 ha;
- + Chuyển từ đất sông ngòi kênh rạch 1,49 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 2,24 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,02 ha;
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng 0,13 ha.

➤ Đất thủy lợi:

Đến năm 2023, diện tích đất thủy lợi của thị xã là 394,02 ha, chiếm 15,28% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực giảm 129,74 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể:

Chu chuyển giảm 136,60 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất an ninh 0,01 ha;
- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 17,96 ha;
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 5,64 ha;
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 2,36 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,72 ha;
- + Chuyển sang đất giao thông 39,57 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở giáo dục đào tạo 4,78 ha;
- + Chuyển sang đất cơ sở thể dục thể thao 0,60 ha;
- + Chuyển sang đất bãi thải, xử lý rác thải 0,10 ha;
- + Chuyển sang đất nghĩa trang nghĩa địa 0,31 ha;
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 14,82 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 13,57 ha;

- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 31,09 ha;
 - + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha;
 - + Chuyển sang đất có mặt nước chuyên dùng 3,98 ha.
- Chu chuyển tăng 6,86 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 4,19 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,23 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,39 ha;
- + Chuyển từ đất giao thông 0,84 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,01 ha;
- + Chuyển từ đất sông ngòi kênh rạch 1,01 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,04 ha;
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng 0,15 ha.

➤ Đất cơ sở văn hoá:

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở văn hoá của thị xã là 24,04 ha, chiếm 0,93% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 3,42 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể:

Chu chuyển giảm 0,07 ha do chuyển sang đất cơ sở tín ngưỡng ;

Chu chuyển tăng 3,49 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 3,38 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thuỷ sản 0,11 ha.

➤ Đất cơ sở y tế:

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở y tế của thị xã là 9,41 ha, chiếm 0,37% diện tích đất phát triển hạ tầng, thực tăng 1,06 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển từ các loại đất sau :

- + Chuyển từ đất trồng lúa 1,05 ha;
- + Chuyển từ đất giao thông 0,01 ha.

➤ Đất cơ sở giáo dục đào tạo:

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo của thị xã là 225,22 ha, chiếm 8,73% diện tích đất phát triển hạ tầng; thực tăng 81,83 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể :

Biến động giảm 0,83 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 0,77 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,06 ha.

Chu chuyển tăng 82,66 ha do chuyển từ các loại đất:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 68,27 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 3,04 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,58 ha;
- + Chuyển từ đất giao thông 5,99 ha;
- + Chuyển từ đất thủy lợi 4,78 ha.

➤ Đất cơ sở thể dục thể thao:

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở thể dục thể thao của thị xã là 35,18 ha, chiếm 1,36% diện tích đất phát triển hạ tầng; thực tăng 14,12 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể:

Chu chuyển giảm 1,38 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,13 ha;
- + Chuyển sang đất giao thông 0,40 ha;
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,27 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,36 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,21 ha.

Chu chuyển tăng 15,50 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 13,40 ha;
- + Chuyển từ đất giao thông 1,50 ha;
- + Chuyển từ đất thủy lợi 0,60 ha.

➤ Đất công trình năng lượng:

Đến năm 2023, diện tích đất công trình năng lượng của thị xã là 8,35 ha, chiếm 0,32% đất phát triển hạ tầng, tăng 1,49 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể như sau:

Chu chuyển giảm 0,31 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 0,01 ha;
- + Chuyển sang đất giao thông 0,03 ha;
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,08 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,20 ha.

Chu chuyển tăng 1,80 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 1,49 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,31 ha.

➤ Đất công trình bưu chính viễn thông:

Đến năm 2023, diện tích đất công trình bưu chính viễn thông của thị xã là 0,97 ha, chiếm 0,04% đất phát triển hạ tầng, giảm 0,05 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển sang đất giao thông.

➤ Đất bãi thải, xử lý chất thải

Đến năm 2023, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của thị xã là 2,90 ha, chiếm 0,11% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 0,04 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể như sau:

Chu chuyển giảm 0,11 ha do chuyển sang đất khu công nghiệp.

Chu chuyển tăng 0,15 ha do chuyển từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất trồng lúa 0,05 ha;

+ Chuyển từ đất thủy lợi 0,10 ha.

➤ Đất cơ sở tôn giáo

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở tôn giáo của thị xã là 31,54 ha, chiếm 1,22% diện tích đất phi nông nghiệp, không có biến động so với hiện trạng năm 2022.

➤ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Đến năm 2023 diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa của thị xã là 125,34 ha chiếm 4,86% diện tích đất phi nông nghiệp, thực giảm 8,25 ha so với hiện trạng năm 2022. Cụ thể:

Biến động giảm 12,24 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Chuyển sang đất quốc phòng 0,01 ha;

+ Chuyển sang đất khu công nghiệp 1,71 ha;

+ Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,88 ha;

+ Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,26 ha;

+ Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,14 ha;

+ Chuyển sang đất giao thông 4,27 ha;

+ Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 2,18 ha;

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,76 ha;

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,02 ha.

Biến động tăng 3,99 ha do chuyển từ các loại đất:

+ Chuyển từ đất trồng lúa 3,18 ha;

+ Chuyển từ đất giao thông 0,50 ha;

+ Chuyển từ đất thủy lợi 0,31 ha.

➤ Đất chợ:

Đến năm 2023, diện tích đất chợ của thị xã là 6,59 ha, chiếm 0,26% diện tích đất phát triển hạ tầng, không có biến động so với năm hiện trạng 2022.

❖ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Đến năm 2023, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng của thị xã là 300,79 ha, chiếm 4,12% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 292,05 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 237,43 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,94 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,64 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 6,83 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 3,00 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 36,79 ha. Trong đó: đất giao thông 19,44 ha; đất thủy lợi 14,82 ha; đất công trình thể dục thể thao 0,27 ha; đất công trình năng lượng 0,08 ha; đất làm nghĩa trang nghĩa địa 2,18 ha.
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,97 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 0,10 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 3,35 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,01 ha.

❖ Đất ở tại nông thôn:

Đến năm 2023, diện tích đất ở tại nông thôn của thị xã là 760,97ha, chiếm 10,43% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 157,40 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể:

Biến động giảm 4,05 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng. Trong đó: đất giao thông 3,07 ha; đất thủy lợi 0,01 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,97 ha.

Biến động tăng 161,44 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 124,07 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,13 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,63 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 4,81 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 29,52 ha. Trong đó: đất giao thông 13,82 ha; đất thủy lợi 13,57 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,36 ha; đất làm nghĩa trang nghĩa địa 1,76 ha.

+ Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 1,28 ha.

❖ *Đất ở tại đô thị:*

Đến năm 2023, diện tích đất ở tại đô thị của thị xã là 1.059,91 ha, chiếm 14,52% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 305,53 ha so với năm 2022. Cụ thể:

Biến động giảm 1,84 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 0,52 ha;
- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,04 ha;
- + Chuyển sang đất giao thông 1,19 ha;
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,10 ha.

Biến động tăng 307,37 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 199,30 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 7,34 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 5,52 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 20,42 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 3,46 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 69,24 ha. Trong đó: đất giao thông 36,65 ha; đất thủy lợi 31,09 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 0,06 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 0,21 ha; đất công trình năng lượng 0,20 ha; đất nghĩa trang nghĩa địa 1,02 ha.

- + Chuyển từ đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp 0,07 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 1,99 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,03 ha;
- + Chuyển từ đất chưa sử dụng 0,01 ha.

❖ *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Đến năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của thị xã là 18,95 ha, chiếm 0,26% diện tích đất phi nông nghiệp thực tăng 2,50 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển từ các loại đất:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 2,25 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,05 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 0,20 ha. Trong đó: đất giao thông 0,12 ha; đất thủy lợi 0,08 ha.

❖ *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Đến năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp của thị xã là 0,35 ha, chiếm 0,005% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 0,17 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,05 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,05 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,07 ha.

❖ *Đất cơ sở tín ngưỡng*

Đến năm 2023, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng của thị xã là 18,97 ha, chiếm 0,26% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,07 ha so với năm 2022 do chuyển từ đất cơ sở văn hoá.

❖ *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Đến năm 2023, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối của thị xã là 449,05 ha, chiếm 6,15% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 2,50 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

❖ *Đất có mặt nước chuyên dùng*

Đến năm 2023, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của thị xã là 111,34 ha chiếm 1,53% diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 0,88 ha so với năm hiện trạng 2022. Cụ thể:

Chu chuyển giảm 9,71 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất khu công nghiệp 0,49 ha;
- + Chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,28 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 2,28 ha. Trong đó: đất giao thông 2,24 ha; đất thuỷ lợi 0,04 ha.
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 3,35 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,28 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,99 ha.

Chu chuyển tăng 10,59 ha do chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 5,53 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thuỷ sản 0,88 ha;
- + Chuyển từ đất phát triển hạ tầng 4,18 ha. Trong đó: đất giao thông 0,20 ha; đất thuỷ lợi 3,98 ha.

❖ *Đất phi nông nghiệp khác*

Đến năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp khác của thị xã là 17,30 ha chiếm 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp, thực giảm 0,09 ha so với năm hiện trạng 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất quốc phòng 0,03 ha;
- + Chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,02 ha;
- + Chuyển sang đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,01 ha;

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,03 ha.

3.3.3. Kế hoạch đất chưa sử dụng

Đến năm 2023, thị xã còn 64,57 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,54% diện tích tự nhiên, giảm -1,48 ha so với năm hiện trạng 2022. Diện tích đất chưa sử dụng giảm do khai thác sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đất quốc phòng 1,19 ha;

+ Đất phát triển hạ tầng 0,28 ha. Trong đó: đất giao thông 0,13 ha; đất thủy lợi 0,15 ha.

+ Đất ở tại đô thị 0,01 ha.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm 2023 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành phục vụ quá trình công nghiệp hoá; hiện đại hoá, thì đòi hỏi phải có một quỹ đất hợp lý đáp ứng cho sự phát triển đó. Đáp ứng yêu cầu đó, trong năm 2023 này diện tích các loại đất chuyển mục đích trên địa bàn thị xã như sau:

❖ Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 1.672,59 ha. Cụ thể:

+ Chuyển sang đất quốc phòng 0,26 ha;

+ Chuyển sang đất an ninh 0,36 ha;

+ Chuyển sang đất khu công nghiệp 271,36 ha;

+ Chuyển sang đất cụm công nghiệp 113,11 ha;

+ Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 40,22 ha;

+ Chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 47,62 ha;

+ Chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm 8,43 ha;

+ Chuyển sang mục đích đất phát triển hạ tầng 564,99 ha. Trong đó: đất giao thông 465,32 ha; đất thủy lợi 4,81 ha; đất cơ sở văn hoá 3,49 ha; đất cơ sở y tế 1,05 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 71,89 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 13,40 ha; đất công trình năng lượng 1,80 ha; đất bãi thải xử lý chất thải 0,05 ha; đất nghĩa trang nghĩa địa 3,18 ha.

+ Chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 250,84 ha;

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 130,64 ha;

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 236,04 ha;

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,30 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng 6,41 ha.

❖ Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 102,12 ha.

Bảng 11. Diện tích đất cần chuyển mục đích phân bố trên địa bàn các xã, phường

STT	Xã, phường	Các loại đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp					Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở
		Đất trồng lúa	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	
1	Bạch Thượng	38,31	4,56	4,15	5,93		2,15
2	Châu Giang	48,32	3,63	0,02	2,69		3,17
3	Đông Văn	34,89		0,17	5,46		3,49
4	Duy Hải	68,02	1,95	1,28	2,95		5,61
5	Duy Minh	58,57	1,20	0,74	3,95		5,49
6	Hoà Mạc	110,38	4,70	0,11	1,19		7,41
7	Hoàng Đông	135,09		1,26	9,36		8,96
8	Tiên Nội	161,46		0,65	1,99		12,62
9	Yên Bắc	280,72	0,47	1,07	9,56	6,46	22,42
10	Chuyên Ngoại	35,15	18,22	1,34	0,09		2,02
11	Mộc Bắc	8,86	8,43		1,59		
12	Mộc Nam	8,12					1,50
13	Tiên Ngoại	291,08	0,08	5,54	7,10		21,14
14	Tiên Sơn	78,26	0,08	0,26	5,20		6,14
15	Trác Văn	113,41	0,02	0,05	5,61		
16	Yên Nam	72,29	0,37	0,14	0,04		
Tổng		1.542,92	43,69	16,80	62,72	6,46	102,12

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong năm 2023, các loại đất cần thu hồi như sau:

- Đất nông nghiệp diện tích thu hồi là 1.509,40 ha. Cụ thể:
 - + Đất trồng lúa 1.417,23 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 16,49 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 14,28 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 54,94 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác 6,46 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp thu hồi là 365,70 ha. Cụ thể:
 - + Đất phát triển hạ tầng 292,65 ha;
 - + Đất ở tại nông thôn 51,55 ha;
 - + Đất ở tại đô thị 9,68 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,18 ha;
 - + Đất cơ sở tín ngưỡng 0,17 ha;

- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,37 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng 9,04 ha;
- + Đất phi nông nghiệp khác 0,06 ha.

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Đến năm 2023, thị xã còn 64,57 ha đất chưa sử dụng, chiếm 0,54% diện tích tự nhiên, giảm -1,48 ha so với năm hiện trạng 2022. Diện tích đất chưa sử dụng giảm do khai thác sử dụng vào các mục đích sau:

- + Đất quốc phòng 1,19 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng 0,28 ha. Trong đó: đất giao thông 0,13 ha; đất thủy lợi 0,15 ha.
- + Đất ở tại đô thị 0,01 ha.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

(Chi tiết xem biểu 10/CH)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Việc tính toán chi phí bồi thường của các công trình/dự án trong Kế hoạch sử dụng đất chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán; việc tính toán các chi phí này sẽ được tính toán cụ thể, chi tiết khi triển khai lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình/dự án, phải phối hợp.... Việc tính toán các khoản thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở sẽ kéo dài nhiều năm mới có được số tiền dự toán, tiền cho thuê đất sẽ thu hàng năm sau khi hết thời hạn ưu đãi. Nhưng chi phí bồi thường đất phải có bố trí trong năm 2023 và dự toán thu chi chi chỉ mang tính khái toán, có độ chính xác không cao nhưng có đủ cơ sở để các chủ đầu tư xác định được nguồn vốn phải cần có để thực hiện bồi thường, thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất.

2.8.1. Cơ sở tính toán các nguồn thu chi từ đất

Dự toán thu chi từ đất của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Duy Tiên dựa vào các căn cứ sau:

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Duy Tiên được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013;

- Các Nghị định của Chính Phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 Quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 104/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về khung giá đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định kế hoạch, Kế hoạch sử dụng đất;

- Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định việc nộp, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Hồ sơ lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thị xã Duy Tiên.

2.8.2. Dự toán thu, chi

a. Dự toán thu

Bao gồm các nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, thuế sử dụng đất, phí và lệ phí sử dụng đất,...

b. Dự toán chi

Bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và vật nuôi trên đất ... khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng: hệ thống giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, y tế, năng lượng, thể thao...

Bảng 12. Cân đối thu chi trong năm Kế hoạch

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m²)	Thành tiền (triệu đồng)
I	Các khoản thu			45.994.695
1	Đất ở nông thôn	161,44	5.000.000	8.072.192
2	Đất ở tại đô thị	307,37	10.000.000	30.737.396
3	Đất khu công nghiệp	313,03	1.800.000	5.634.587
4	Đất cụm công nghiệp	125,74	700.000	880.180

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m²)	Thành tiền (triệu đồng)
5	Đất thương mại, dịch vụ	45,00	800.000	360.020
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	51,72	600.000	310.320
II	Các khoản chi			3.617.877
1	Đất trồng lúa	1.428,25	210.000	2.999.330
2	Đất trồng cây hàng năm khác	16,65	210.000	34.965
3	Đất trồng cây lâu năm	14,35	252.000	36.159
4	Đất nuôi trồng thủy sản	56,64	210.000	118.947
5	KP bảo vệ PT đất trồng lúa	1.428,25	30.000	428.476
III	Cân đối thu - chi (I - II)			42.376.818

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Các giải pháp bảo vệ đất, cải tạo môi trường

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế trên địa bàn thị xã nhằm không ngừng nâng cao độ phì của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức cho người dân về các biện pháp xử lý bảo quản và sử dụng thuốc các loại hóa chất nói chung thuốc bảo vệ thực vật nói riêng, tổ chức tập huấn sản xuất nông nghiệp an toàn.

- Tuyên truyền khuyến khích vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Các phụ phẩm nông nghiệp, rác thải nông nghiệp cần được thu gom bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Khuyến khích xây dựng quy trình trang trại an toàn sinh học trong các trang trại chăn nuôi tập trung. Triển khai các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi sạch, hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi, quy hoạch chăn nuôi và đẩy mạnh quản lý nhà nước về môi trường trong chăn nuôi.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các điểm dịch vụ tập trung trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải có hệ thống kết cấu xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, phải có khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư.

- Tăng cường phối hợp các ngành, các cơ quan chuyên môn trong việc thực thi pháp luật môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định

của pháp luật để mọi hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và nhân dân nắm bắt, từ đó nghiêm túc thực hiện quy định.

- Không hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hoặc có công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực đông dân cư nông thôn. Khuyến khích di dời toàn bộ các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra các cụm công nghiệp.

- Tăng cường trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như khu dân cư nông thôn tập trung.

4.2. Giải pháp về quản lý

- Đảm bảo kế hoạch sử dụng đất mang tính hiện thực, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã và bảo vệ môi trường, trong quá trình tổ chức thực hiện, cần phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong việc phân bổ cụ thể quỹ đất về quy mô diện tích, địa điểm và thời gian thực hiện.

- Trên cơ sở phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được UBND tỉnh xét duyệt, tiến hành tổ chức thông báo công khai, rộng rãi phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến các Ban ngành, tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong thị xã biết để thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của Luật đất đai. Niêm yết công khai danh mục các công trình, dự án đến từng địa phương xã, phường để mọi người dân đều biết và cùng thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác GPMB thực hiện các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 09/7/2021 của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3717/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác GPMB phục vụ phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2021 trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ và thường xuyên 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai ở tất cả các xã và các ngành trên địa bàn thị xã. Triển khai thực hiện việc quản lý đất đai, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng thẩm quyền và căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các dự án thuộc trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo tính khả thi khi thi công thực hiện công trình, dự án.

- Tăng cường triển khai công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường và việc thực hiện kế hoạch của thị xã nhằm giám sát hoạt động của hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; khắc phục các nhược điểm hiện có và nâng cao chất lượng triển khai.

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng với kế hoạch sử dụng đất để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với phát triển đô thị, ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất và đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển ổn định đời sống cho nhân dân.

- Cần có kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất

4.3. Giải pháp về kinh tế

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá (khu đô thị mới, trung tâm hành chính, chợ đầu mối, các trục giao thông nội thị...). Cần thực hiện lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đối với các phân khu chức năng các quy hoạch đô thị, trung tâm hành chính xã... tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tham gia.

- Thực hiện chính sách đổi đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thông qua các biện pháp: Chuyển đổi vị trí của các trụ sở cơ quan hành chính có lợi thế, tiềm năng về kinh doanh dịch vụ và thương mại, phát triển đô thị; Khai thác hiệu quả về mặt vị trí thuận lợi, về dịch vụ thương mại, công nghiệp, các khu dân cư đô thị... đối với khu vực ven trục giao thông, các trung tâm hành chính xã, phường và các chợ đầu mối...

- Chỉ đạo UBND xã, phường căn cứ vào các mục tiêu của kế hoạch tiến hành xây dựng các phương án đầu tư bằng nhiều hình thức để người dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư cùng thực hiện.

- Về vốn đầu tư, ngoài nguồn vốn từ ngân sách, thị xã sẽ tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh và an ninh quốc phòng như : Giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng... trên cơ sở phát huy truyền thống, tích cực của quần chúng nhân dân. Đồng thời, phải có biện pháp ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi hiến đất; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để chỉnh lý biên độ đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận... Huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thông qua chính sách khuyến khích đầu tư.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất thị xã Duy Tiên năm 2023 được xây dựng trên cơ sở đánh giá hiện trạng sử dụng đất của thị xã, thể hiện được chiến lược sử dụng đất trên địa bàn thị xã, định hướng phát triển kinh tế xã hội của thị xã và định hướng phát triển chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính thực tiễn. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, phường trong thị xã thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành từ Trung ương, thị xã, và các xã, phường trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, đảm bảo tính thực tiễn và có tính khả thi.

- Để đảm bảo cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất sẽ nâng hiệu quả sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực. Đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và đảm bảo mục tiêu đô thị hoá.

- Các loại đất phát triển cơ sở hạ tầng khác như đất giao thông, thuỷ lợi đến quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của các xã, phường.

II. KIẾN NGHỊ

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND thị xã Duy Tiên kiến nghị UBND tỉnh, các Sở ban ngành một số vấn đề sau:

- UBND tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của thị xã.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, hỗ trợ thị xã trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động sản xuất.

HỆ THỐNG BIỂU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 của thị xã Duy Tiên
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Duy Tiên
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Duy Tiên
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 của thị xã Duy Tiên
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 của thị xã Duy Tiên
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 của thị xã Duy Tiên
7	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện năm 2023
8	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Duy Tiên